

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN**QUYỂN 26 C****CHƯƠNG VI: CẨM THÔNG.****TRONG PHẦN 3 CHƯƠNG VI**

(chánh truyện có 45 vị, phụ có 2 vị)

- 1- Thích Đạo Mật ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô, thời nhà Tỳ.
- 2- Thích Trí Ẩn ở chùa Kinh Tạng tại Kinh Đô, thời tiền Đường.
- 3- Sa-môn Xà-Đề-Tư-Na người nước Trung Thiên Trúc, thời nhà Tỳ.
- 4- Thích Minh Đản ở chùa Thắng Quang tại Kinh Đô, thời nhà Tỳ.
- 5- Thích Minh Sán ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô, thời nhà Tỳ.
- 6- Thích Tuệ Trọng ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô, thời nhà Tỳ.
- 7- Thích Bảo Tích ở chùa Thắng Quang tại Kinh Đô, thời nhà Tỳ.
- 8- Thích Đạo Đoan ở chùa Nhân Pháp tại Kinh Đô, thời nhà Tỳ.
- 9- Thích Đạo Sán ở chùa Thắng Quang tại Kinh Đô, thời nhà Tỳ.
- 10- Thích Minh Phân ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô, thời nhà Tỳ.
- 11- Thích Tăng Cái ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô, thời nhà Tỳ.
- 12- Thích Đàm Giai ở chùa Nhật Nghiêm tại Kinh Đô, thời nhà Tỳ.
- 13- Thích Đạo Quý ở chùa Tỳ Pháp tại Kinh Đô, thời nhà Tỳ.
- 14- Thích Tăng Thuận ở chùa Huyền Pháp tại Kinh Đô, thời nhà

Tùy.

15- Thích Pháp Hiến ở chùa Sa-môn tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.

16- Thích Tăng Thế ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô, thời nhà

Tùy.

17- Thích Pháp Châu ở chùa Tĩnh Giác tại Kinh Đô, thời nhà

Tùy.

18- Thích Tuệ Đăng ở chùa Diên Hưng tại Kinh Đô, thời nhà

Tùy.

19- Thích Trí Quang ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô, thời nhà

Tùy.

20- Thích Trí Giáo ở chùa Hoằng Thiện tại Kinh Đô, thời nhà

Tùy.

21- Thích Viên Siêu ở Kinh Đô, thời nhà Tùy.

22- Thích Tuệ Tạng ở chùa Quang Minh tại Kinh Đô, thời nhà

Tùy (Pháp Thuận).

23- Thích Bảo Hiến ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô, thời nhà

Tùy.

24- Thích Pháp Lãng ở chùa Thắng Quang tại Kinh Đô, thời nhà

Tùy.

25- Thích Đàm Toại ở chùa Chân Tịch tại Kinh Đô, thời nhà

Tùy.

26- Thích Đàm Quán ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.

27- Thích Linh Đạt ở chùa Diên Hưng tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.

28- Thích Tăng Hân ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô, thời nhà

Tùy.

29- Thích Huyền Cảnh ở chùa Không Quán tại Kinh Đô, thời nhà

Tùy.

30- Thích Trí Qũy ở chùa Hoằng Tế tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.

31- Thích Tăng Phạm ở chùa Thắng Quang tại Kinh Đô, thời nhà

Tùy.

32- Thích Bảo An ở chùa Tịnh Ảnh tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.

33- Thích Bảo Nham ở chùa Nhân Giác tại Kinh Đô, thời nhà

Tùy.

34- Thích Minh Ngự ở chùa Vô Lậu tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.

35- Thích Đạo Sinh ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô, thời nhà

Tùy.

36- Thích Pháp Tánh ở chùa Thắng Quang tại Kinh Đô, thời nhà

Tùy.

37- Thích Biện Tịch tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.

38- Thích Tĩnh Ngưng ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.

39- Thích Pháp Khải ở chùa Dương Hóa tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.

40- Thích Trí Năng ở chùa Chuyển Luân tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.

41- Thích Đàm Lương ở chùa Chân Tịch tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.

42- Thích Đạo Tung tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.

43- Thích Trí Nghi ở chùa Tĩnh Pháp tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.

44- Thích Đạo Nhan ở chùa Tịnh Ảnh tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.

45- Thích Tịnh Biện ở chùa Tịnh Ảnh tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.

1- Thích Đạo Mật ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô:

Thích Đạo Mật, ngài giòng họ Chu, người xứ Tương Châu. Mới đầu, ngài đến nương tựa Tam Tạng Pháp Sư Da Xá, tập học Phương nghe. Sau, ngài lại đến Nghiệp đô, rộng nghe giảng các Kinh giáo Đại Thừa, Thần thức Tâm Tư đã khai mở, Lý đạt suốt cùng, đến như Tây Phạm Văn Ngôn, ngài tiếp gót những bậc anh tài xưa trước. dị thuật tài năng ưu thắng của ngài vang vọng từ thời nhà Tề. Đến lúc thời vận nhà Tùy mở thoáng, sự nghiệp hồng truyền Phật pháp lấy việc phiên dịch làm đầu. Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) thời nhà Tùy ban sắc thỉnh mời ngài đến ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô. Thầy trò đạo thành lại hồng dương Phạm ngữ, nhân đó, ngài theo Pháp bốn để ý truyền trì.

Gặp lúc trong niên hiệu nhân thọ (601-605) thời nhà Tùy, mở đầu công việc tạo dựng các Bảo tháp, chọn lựa những bậc đức hạnh cao vời, Vua Văn Đế lại ban sắc thỉnh mời ngài nghinh đưa Xá lợi đến chùa Đại Hưng Quốc tại Đồng Châu. Chùa đó vốn là nơi Vua Văn Đế chào đời. Chỗ đó vốn là nền móng chùa ni Bát Nhã vậy. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) sinh ngày 13 tháng 6 năm Đại thống thứ 7 (541) thời Tây Ngụy tại trong chùa đó. Lúc ấy có ánh sáng sắc đỏ soi chiếu trong phòng nhà lưu tràn ra ngoài cửa. Hơi khí sắc tía đầy khắp sân, tướng trạng như lâu các, sắc nhiễm vào áo người, trong ngoài đều kinh cấm. Khi ấy mẹ vó nóng bừng, phải đến để quạt, lạnh dứt tuyết hẳn, khốn khổ chẳng thể khóc. Có 1 vị Thần Ni tên là Trí Tiên vốn con gái nhà

họ Lưu ở Bồ Phấn, Hà Đông, xuất gia từ thừa bé, rất có giới hạnh. Hoà thượng vị mất đó, sợ lo rơi vào giếng, nhưng lại tìm thấy ở trong Phật Thất, nghiêm nhiên tọa Định, khi ấy, Thần Ni chỉ mới vừa 7 tuổi bèn lấy pháp Thiền Quán làm hạnh nghiệp chánh. Đến ngài Vua Văn Đế chào đời, tự nhiên mà đến, Trí Tiên nói cùng Thái Tổ rằng: “Đứa bé được sự che chở của trời Phật, chớ nên lo sợ vậy.” lại bèn đặt gọi tên Vua là “Na La Diên”, nói nghĩa là như Kim Cang, không thể hư hoại vậy. lại bảo: “Trong tương lai, đứa bé sẽ sống khác thường.” và cho là ở nhà thế tục ế nạp, nên Tự vì dưỡng nuôi đó. Thái Tổ mới cất đất vườn nhà để làm chùa, bên trong trổ thông 1 cửa nhỏ. Và đem đứa bé giao cho Thần Ni, không dám hỏi han. Sau đó, có lần Hoàng Ty lại muốn bèn ẵm, bỗng thấy đứa bé sẽ có được Thiên hạ. Đến lúc Vua được 7 tuổi, Trí Tiên bảo cùng Vua rằng: “Con sẽ được đại quý từ Đông quốc mà lại. Phật pháp đang lúc bị hoại diệt, ắt phải do nơi con mà phục hưng lại!”. và, Trí Tiên thường luôn trầm lặng ít nói, nhưng khi nói đến mọi sự thành bại tốt xấu, không gì chẳng phù hợp. Mới đầu, Vua được dưỡng nuôi tại chùa, năm Vua 13 tuổi mới được đưa về nhà, suốt hơn 30 năm, Vua chưa từng bước ra khỏi cửa nhà. Kịp đến lúc thời Bắc Chu phá diệt Đạo Giáo và Phật Giáo, Trí Tiên ẩn cư tại Hoàng Gia, bên trong đắp mặc pháp y, giới hạnh vẫn không cải đổi. Về sau, quả nhiên Vua Văn Đế từ Đông Sơn vào làm Thiên tử, trùng hưng Phật Pháp, đều đúng như lời nói của Thần Ni Trí Tiên vậy. sau khi lên ngôi, Vua thường đốai hoài với Quần thần, nghĩ nhớ đến A Xà Lê (Trí Tiên) lấy làm lợi thật. Vua nói rằng: “Ta được ngôi vị do từ Phật Pháp, mà khéo ăn các thứ mè đậu, Thân trước tợ như từ trong Đạo nhân mà lại. do vì lúc bé thơ ở tại chùa, nên đến nay vẫn luôn ưa thích nghe tiếng chuông”. Mới bảo Sử Quan Vương Thiệu vì Thần Ni Trí Tiên mà viết thuật truyện. trước lúc lên ngôi, Vua ngẫm ở trải qua cả 45 châu, nên đồng 1 lúc đều làm chùa Đại Hưng Quốc. Nhân đó, mà cải đổi 1 nơi này là chùa Bát Nhã vậy. năm Nhân thọ thứ nhất (601) thời nhà Tùy Vua Văn Đế và Hậu cung đồng cảm có Xá lợi và đều tỏa phóng ánh, sáng, dùng chày đá đập thử nhưng vẫn uyển nhiên không vỡ nát, bèn ban rãi nghinh thỉnh đến các Châu Quận, trước sao tạo dựng Bảo tháp có hơn trăm ngôi. Tùy những nơi có đặt hạ Bảo tháp, Vua đều bảo đồ họa ảnh tượng Thần Ni, và có lăm Linh tướng. Nên trong bài Minh viết rằng: “Duy ngày...tháng...năm, Dương Kiên (Khiêm) Hoàng Đế thời nhà Tùy là Đệ tử Phật thọ giới Bồ-tát Kính bạch 10 phương 3 đời hết thấy Phật Pháp Tăng! Đệ tử nhờ phước lành chở che của Tam Bảo, làm Vua cha của muôn dân, nghĩ

cùng các các hàng dân thứ đồng kiến lập Bồ Đề, nên nay phân bố Xá lợi đến các châu quận để cúng dường, muốn khiến mọi người khắp nơi đồng tu thiện nghiệp, đồng chứng Diệu quả. Nhưng vì Đệ tử và cả Pháp giới u hiển, 3 đường 8 nạn, sám hối hành Đạo, phụng thỉnh 10 phương thường trú Tam Bảo, nguyện khởi Từ Bi, ghi nhận sự cầu thỉnh của Đệ Tử v.v... mà ứng hiện nơi Đạo tràng chứng minh cho Đệ tử vì các loài chúng sinh mà phát lồ sám hối...!” Văn dài không ghi chép hết.

Ngài (Đạo Mật) vì tiếng tăm vang khắp, nên nghinh đưa Xá lợi đến trong chùa đó, mới đầu lúc hạ Tháp, trong cả 1 Viện ánh sáng tỏa khắp, giữa khoảng sắc màu vàng trắng lẫn lộn sắc đỏ, vây nhiễu suốt cùng, lâu sau mới diệt. Các hàng Đạo tục trong ngoài đều đồng 1 lúc trông thấy. Tại chùa đó có 4 cửa, mỗi cửa dựng lập 1 Văn bia. Nơi Điện-Tháp hiện vũ cho đến chỗ đất sinh sống thấy đều trang nghiêm tráng lệ ngời sáng khắp cả thành ấp.

Đến cuối niên hiệu Nhân thọ (605) thời nhà Tùy, Vua Văn Đế lại ban sắc ngài nghinh đưa Xá lợi đến chùa Phổ An tại núi Hoàng Hộc. Lúc đào nền móng tới nước, có được 1 Tôn tượng bằng vàng cao 1 thước, nghi chế đặc dị. Ngay lúc hạ Tháp có 1 đàn chim ở đồng hoang đến bay liệng phía trên Tháp, mọi sự hoàn thành bèn liền tản mát. Lại thấy có cành hoa bằng vàng vọt hiện giữa hư không, giây lâu mới ẩn xuống mất. Ở trong nền móng tháp lại tỏa phóng ánh sáng, sau dần rộng lớn ra nhiều quanh tháp 3 vòng. Chùa đó ở nơi cao vợi, vốn không có suối nước, mỗi lúc cần dùng thì phải xuống gánh múc dưới xa. Chỉ trong 1 đêm nọ, cách nơi tháp khoảng 5 bước, tự nhiên có hơi khí nước suối tuôn vọt ra có đồng như làm sóng ở giếng, rộng như chỗ ghi thuật của Vương Thiệu vậy.

Đến đầu niên hiệu Đại Nghiệp (605) thời nhà Tùy, ngài lại dời đổi từ Lạc Dương đến Vườn Thượng Lâm, thiết đặt Phiên Kinh Quán, nhân đó mà chuyên việc truyền dịch và Ngài bèn thị tịch tại đó. Các kinh điển ngài phiên dịch như ở sự ghi chép của Phí Thị vậy.

2-Thích Trí Ẩn ở chùa Kinh Tạng tại Kinh Đô:

Thích Trí Ẩn, ngài giòng họ Lý, người xứ Bối Châu. Ngài tức là Đệ tử của Tạng Công Hoa Nghiêm (Pháp Tạng). Từ thừa thiếu thời đến lúc trưởng thành, ngài tuân hành hồng truyền Đạo nghĩa với mọi sự Tuệ giải được truyền trao, ngài đã nhận thọ thì không cầu thỉnh hỏi lại. mà Thần khí ngài tuần tú trác việt cao nhã, mền chuộng thanh hư. Bấy giờ, những lúc ngài đáp thuật đàm nói, người nghe quên cả nhọc mệt.

Năm Khai Hoàng thứ 7 (587) thời nhà Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh mời chư vị Đại Đức cùng Tạng Công đến ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô, để luyện thông các bộ Đại Trí Độ Luận. A Tỳ Đàm Tâm Luận và Kim Cang Bát Nhã Luận v.v... thấu suốt hàng huyết. Đến năm Khai Hoàng thứ 6 (596) thời nhà Tùy, vì thấu hiểu gồm cả thường lệ cần phải có người tiếp nối làm ngời sáng lớn mạnh, nên Vua lại ban sắc bổ sung các giảng chúng chủ. Và ở tại chùa Kinh Tạng xiển dương các Bộ trước.

Đến trong niên hiệu Nhân thọ (601-605) thời nhà Tùy, mở đầu tu tạo phước nghiệp, Vua Văn Đế ban sắc nghinh đưa Xá lợi đến chùa Pháp Tự tại Ích Châu. Chùa đó do Thục Vương Tú tạo dựng nên. Trên đường vừa đi đến Ngang Thục, khai hóa cày xướng thạnh, nghiêng dốc cả Kim bối ấy, sau đó tức liền thành tựu. Về sau lại vâng phụng sắc chiếu nghinh đưa Xá lợi đến thiết đặt Bảo tháp tại Tân Châu. Trời mưa hoa lạ, mọi người được 1 nửa hợp. Lại tỏa phóng ánh sáng sắc tía, biến thành 5 sắc. Người mù đến lễ sám, bỗng nhiên liền được sáng cả 2 mắt, vất bỏ gậy mà trở về. Những người bị các chứng bệnh phong liệt co quắp v.v... các loại thảy đều được như vậy. đến lúc sắp hạ tháp, trời mưa hoa bạc, tỏa phóng ánh sáng sắc trắng trước sau không chỉ 1 lần. Ngay lúc nhập Tháp, có 6 con chim lớn liệng bay lẫn lộn giữa khoảng mây, khi bít lấp hoàn thành, thì đều tan mất.

Ngài (Trí Ẩn) đem những sự việc ấy tấu trình, Vua Văn Đế rất vui mừng, giao phó ngài trước thuật lại. sau đó, ngài thị tịch tại Kinh Đô.

3- Sa-môn Xà-Đề-Tư-Na:

Sa-môn Xà-Đề-Tư-Na, ngài ở nước Ma Kiệt Đà thuộc Trung Thiên Trúc. Ngài học gồm các tạng, có tài năng khác lạ nghệ thuật lắm nhiều luyện thông ở đời. Khi đang ở tại Bốn quốc quả đất bỗng nhiên chấn động nứt nẻ, nơi chỗ mở tung ấy rất sâu không đáy, đến bên cạnh bờ mé có được 1 Bia đá, có lời văn ghi rằng: “Ở phía đông nước Chấn Đán có nước tên là Đại Tùy, thành tên là Đại Hưng, Vua tên là Kiên (Dương Khiêm-Văn Đế) ý muốn kiến lập Tam Bảo, tạo dựng các tháp phụng thờ Xá Lợi”. Vua tôi nước ấy vui mừng cảm điềm tướng tốt lành, hỷ hoan với điều hiếm có, mới chiêu mộ các hàng Đạo tục có hơn 50 vị, vẫn từ Linh tướng ấy, mới đầu nghinh đưa đều ra Vương Phủ, trên đường đi gặp phải giặc dã bắt bớ tản mác gần hết. Chỉ còn được vài người lánh trốn đến đây (Trung Hoa). Tức năm Nhân thọ thứ 2 (602) thời nhà Tùy, vừa đến cung Nhân Thọ. Tính lại mới đầu từ lúc chỗ đất

nước nẻ có được Văn Bia tức là năm Khai Hoàng thứ 14 (594) thời nhà Tùy, rồi đi đường trải mất 9 năm mới tới Đông Hạ.

Khi đó gặp lúc Vua Văn Đế (Dương Khiêm) cảm được Xá lợi, các châu quận khởi tạo Bảo Tháp. Điềm lành từ trời rơi xuống, điềm lành từ đất vọt lên, trước sau mọi sự linh cảm có cả trăm lần, khắp cả nước ngợi ca vui mừng, Phật Pháp trở lại hưng thịnh. Quan Hữu Ty đem mọi sự việc tấu trình, Vua cho đó là sự nơi Đại Hạ nêu bày vết tích Đông hoa. Tốt lành đó từ xa đi đến, nên nghi Ngài là bậc đã chứng Thánh Quả. Lại dẫn mời ngài vào Điện Đại Bảo, tự thân Vua co quắp 4 ngón tay, trông nhìn lại các hàng Quan liêu rằng: “Có hiểu được ý của Trẫm chăng?” Mọi người đều chẳng hiểu gì. Nhân đó Vua hỏi ngài: “Có hiểu ý chăng?” Ngài bảo: “Ý Đản Việt cho rằng Bản Đạo là người đã chứng đắc Tứ quả ư?” Thật chẳng đúng vậy!” Vua rất lấy làm lạ đó, mới thiết đặt ngài ở vào nơi Biệt quán, cung cấp hoa trọng cổ ăn, dùng men rượu hòa với bột gạo phồng làm thành bánh điều hòa thời gian mà chẳng dậy. Nhân đó đem hỏi ngài. Ngài đáp: “Đó chẳng hợp thức ăn”. Bèn dùng nước ngào bột nấu đó cùng với men thường chẳng khác. Vua hỏi ngài: “Nay tạo các Linh Tháp ở khắp các Châu. Ở tại Tào Châu và Thiểm Châu có lắm điều ứng tốt lành, ai có thể đến đó ư?” Ngài đáp: “Tại Thiểm Châu hiện cây Bồ-tát Địa Tạng, tại Tào Châu Hoa sáng Hư Không Tạng”. Vua lại hỏi: “Hoa trời tự vật gì?” Ngài đáp: “Tự như men mây mỏng, hoặc bay hoặc rơi rớt nơi đất. Tuy rơi rớt nơi đất mà ánh sáng vẫn kỳ đặc ưu thắng”. Vua kín đem men may xinh đẹp và chỗ dâng hoa trời mỗi thứ 1 sọt, dùng để chỉ bày cho mọi người, không có khác biệt. Vừa mới đem hỏi Ngài ngài liền nhận biết hoa trời mà thua kém men mây. Kịp đến lúc Hiến Hậu qua đời, giữa không trung có vang vọng tiếng âm nhạc và cảm nghe có mùi hương thơm khác lạ. Vua đem đủ mọi sự việc ấy hỏi ngài. Ngài bảo: “Ở cõi Tịnh Độ tại phương Tây có đức Phật hiệu là A Di Đà. Hoàng Hậu vãng sinh vậy”. vua rất lấy làm kỳ lạ về sự nhận biết soi xét của ngài, nên ban tặng hơn 2000 xấp lụa quyên. Ngài cố khước từ không nhận, nhưng vì Vua quá cưỡng thỉnh, ngài mới nhận lấy và ban thí khắp cùng các phước địa. Thấy ở truyện cảm ứng vậy.

4-Thích Minh Đản ở chùa Thắng Quang tại Kinh Đô:

Thích Minh Đản, ngài giòng họ Sử, người ở đất cấp, Vệ Châu. Ngài chuyên hành Luật nghi, giẫm bước trông theo các bậc tiền Hiền. Thông rành các Kinh Thập Địa, Địa Trì, tùy cơ giảng giải. với Nhiếp

Đại thừa luận thì càng thấy ngài hồng dương rộng rãi. Sau, vào Kinh Đô, ngài ở chùa Thăng Quang, ngài luôn ôn hòa thuần hậu, tánh không bức bạo.

Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) thời nhà Tùy có ban sắc thỉnh mời ngài nghinh đưa Xá lợi đến Tương Châu lên ở chùa Phụng Lâm. Nền tảng chùa đó được xây dựng từ thời Nam Lương, nhưng đến thời nhà Tùy càng mở thoáng rộng. Rừng cao giẫm đến hang cốc nối liền phòng viện, Tùng trúc giao nhau ngời ánh, suối đá nước đổ rì rào, áp thất cùng trông hết cả nhân cử. Như có người vân du đến trông xem thấy đều quên cả trở về. Ngày Vua Văn Đế đang còn ẩn dật, nhân sang chùa lễ bái, xin nguyện hồng hộ, kịp đến lúc lên ngôi báu, nhờ nghĩ phước duyên xa xưa, nên hằng năm Vua thường đến chùa thiết bầy cúng dường lớn. Và bèn cải đổi tên hiệu chùa là Đại Hưng Quốc. Kịp đến lúc ngài đến đó thiết đặt nền tháp, tại viện phía đông của chùa đào đục đất đá xuống vài thước, có được 1 Bình Lưu Ly, trong bình có 8 viên Xá Lợi tán tụ phô bày tướng tốt lành. Hình chất chẳng nhất định, hoặc hiện toàn vỡ nát, hoặc hiển phát thần kỳ, ngài liền cùng bảo nghinh đưa về đồng chỗ tạo dựng Bảo tháp. Lại đục xuyên sâu xuống, có được 1 tảng đá, có bài minh ghi rằng: “36 năm sau niên hiệu Đại đồng, khai mở hồng hóa của Nhân thọ”. Y cứ theo đó mà nghiệm xét thì trong thời Nam Lương có niên hiệu Đại Đồng (535-546) cho đến nay, về niên kỷ có phảng phất phù hợp. Ngài vui mừng cảm được điềm tốt lành ấy mới dâng Biểu Văn tấu trình. Tại chùa đó có 1 Tôn tượng bằng vàng cao trường 6. Diện Bộ viên mãn, nghi tướng hoàn vị, tôn trí cao vợi giữa Điện Đường, các loài chim không dám giẫm bước chân vào. Trước sân có dựng lập 1 Văn Bua do Sư tín Văn Tiêu Văn viết thuật, ở đời xưng gọi đó là Quán tuyệt. Ngài vân du rảo bước trông xem Huy du, giảng trao tương tiếp.

Về sau, ngài thị tịch tại chùa Thăng Quang.

5- Thích Minh Sán ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô:

Thích Minh Sán, ngài giòng họ Vi, người xứ Nghi Thủy, Cử Châu. Năm 10 tuổi, ngài xuất gia. Năm 20 tuổi, ngài thọ giới Cụ Túc. Trong suốt 10 năm đó, ngài tìm tòi đọc học thông rành các Kinh Sử. Bẩm tánh ngài điều hòa nhu nhuyễn, ngay từ đầu chẳng tỏ bày tức giận. Chưa đầy 3 mùa Hạ mà ngài đã từng giảng giải hồng dương luận Thành Thật và Kinh Niết Bàn.

Gặp lúc phước hoại Phật giáo, ngài trầm ẩn lánh đời, ở nơi rừng

chăm, trở lại dưỡng nuôi Đạo nghiệp cũ, nghiên tầm sâu mầu. Đến lúc Vua Tuyên Đế (Võ Văn Huân 579) thời Bắc Chu tạo lập chùa Trắc Hồ, Sa-môn Tuệ Viễn dẫn đồng bạn đến đó. Khi đó, ngài theo gót trở về Kinh Đô, đến các Châu Bộ, sau đó không lâu, ngài tỏ ngộ sâu sắc, bèn diễn giảng nơi đời. Đồ chúng có cả số trăm, tâm kế sáng tỏ. Ngài khai giảng những điều u ẩn, vạch bẻ điều nghi ngờ, khéo thông cật nạn, tinh cần tư lự thường luôn bộc phát chưa từng lảng ẩn. Lại thêm phước đức tràn đầy, khiến mọi người thấy nghe thấy đều vui mừng.

Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605 thời nhà Tùy) ban sắc mời Ngài đến ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô. Đầu niên hiệu nhân thọ (601) thời nhà Tùy. Vua lại thỉnh mời ngài nghinh đưa Xá lợi đến chùa Thê Hà tại Tương Châu, nay tức là chùa Nhiếp Sơn vậy. vốn nơi nền tảng linh dị, ở truyện trước đã trình bày rõ ràng, mà ngài trông tâm tình vẫn chuyên việc hoằng pháp, trên bước đường tìm cầu phỏng hỏi mới đến tại Giang Biếu, ngài gom nhặt được hơn trăm quyển Kinh, đều là phần sót lại của ghi lục trước, cho đến những nơi khuyết thiếu bổn văn. Tùy được các thứ Phước lợi ngài đều tùy mọi nơi mà truyền trao ghi chép. Sau cùng, ngài lại đến ở chùa Đại Thiên Định, lấy việc hoằng pháp làm sự nghiệp chuyên, xuân thu tốt lành tuần tự, ngài từng đến Lam Điền, leo núi vượt sông, vui mừng với mọi sự đắc tánh. Đến đầu thời tiền Đường thì ngài thị tịch.

6- Thích Tuệ Trọng ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô:

Thích Tuệ Trọng, ngài giòng họ Quách, người xứ Ung Châu. Chí khí ngài cứng rắn oai linh, chẳng sợ tà chướng. Quỷ thần ở chốn rừng ốc. Nghe có nơi nường nấu, ngài không sang chẳng chịu hàng phục. Ngài nghiêm trì thanh tịnh Giới Địa, thống rành về Nhiếp Đại thừa luận, giẫm trải Danh giáo, thanh bạch trội vượt khác thường. ngài ở chùa Đại Hưng Thiện, rộng thông cơ yếu. Các hàng vinh đạt đều tuần tự đoái hoài. Ngài bày chương ngôn lệnh, đốc ý dẫn đưa rất có phương pháp.

Trong niên hiệu Nhân thọ (601-605) thời nhà Tùy, với công việc thiết đặt tạo dựng các Bảo Tháp, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh mời ngài nghinh đưa Xá lợi đến chùa Đại nhạc tại Thái Sơn. Ban đầu mới đến, tòa phóng ánh sáng, cho đến lúc nhập Tháp liên tục thường luôn soi chiếu. Từ trên đỉnh núi có 3 luồng khí trắng lưu tỏa xuống nơi nền móng. Cửa Miếu Nhạc Thần vô cơ tự mở, như thế đến 3 lần. Các hàng Thức giả cho đó là Thần Linh quy kính nên vậy. năm Nhân thọ thứ tư (604) thời nhà Tùy, kiến tạo Bảo tháp, ngài lại nghinh

đưa Xá lợi đến chùa Thiên Tích tại Long Châu. Mới đầu đến thiết trai, bỗng nhiên có nai đồng dã từ Nam Sơn xuống bơi lội qua sông Gia Lăng thẳng đến nơi chỗ Tháp. Có người đưa tay sờ xoa, nai vẫn tự nhiên gần gũi, cho đến lúc hạ Tháp xong, nai mới bỏ đi. Ban đêm có ánh sáng lớn tỏa phóng từ trên điện Phật, sáng rực cao đến vài trượng. Các màu xanh đỏ thảy đều xen tạp, mọi người đều đồng trông thấy. 3 ngày đánh sấm, cả chậu đến hỷ xá, mây tía che phủ nơi tháp, mưa hoa vàng bạc khắp cùng thành ấp. Có người lượm nhặt được mới là 5 sắc cùng khắc chạm. Lại có được 5 viên Xá lợi ở trên Hoa Trời, ẩn hiện xoay chuyển, hợp tan tùy tâm. Trong châu ấy có chùa Tu Phạm. Trước kia là do Vua Văn Đế (Dương Khiêm) tạo lập, có được 1 phần Xá lợi, muốn cùng với Bảo tháp nay đây đồng 1 ngày hạ nền móng. Đêm đó ở cả 2 Bảo tháp tỏa phóng 2 luồng ánh sáng soi chiếu khắp cùng u hiển, mãi đến sáng hôm sau mới dứt mất. đồng cùng trông thấy điềm tượng lành đó có cả ngàn người. Buổi sáng sớm sắp hạ Tháp, lại mưa hoa bạc, biến chuyển chẳng chỉ 1 lần.

Sau đó, ngài trở về lại Kinh Thất, cải đổi quy cách trước, chuyên tu Thiên Quán sám hối, mỗi một ngày đêm có đến 12 thời, ngài đánh lễ danh hiệu 53 vị Phật, ngoài ra còn thêm tọa Thiền Chánh niệm, chuyên trì hạnh nghiệp cho đến lúc thị tịch.

7- Thích Bảo Tích ở chùa Thắng Quang tại Kinh Đô:

Thích Bảo Tích, ngài giòng họ Chu, người xứ đất Điều, Ký Châu. Ngài cất dứt lưới ái, chuyên tâm phỏng hỏi Đạo, Vân du bất định, không nơi thường dừng. Khi nhà Bắc Tề sụp đổ, Phật Pháp bị phá diệt, ngài đến ngâm ẩn tại Thái Sơn, xoay qua trở lại tại những nơi Lỗ Châu, Duyện Châu trải nhiều năm tháng.

Đến năm Khai Hoàng thứ 14 (594) thời nhà Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) xa giá tuần du đến phương Đông, mới cùng thỉnh yết. Chỉ 1 lần trông thấy, Vua bèn rất vui mừng, ban sắc mời ngài vào Kinh Đô ở chùa Thắng Quang, giảng truyền hoàng dương luận Đại Trí Độ và luận Nhiếp Đại Thừa, mà thể lượng ngài rộng rang chẳng tính tức giận hẹp hòi. Từng có người ngăn ngại hủy hoại tiếng tăm thấu đến Tai ngài ngài mới cởi áo dâng tặng đó và nói rằng: “Ông thấy được lỗi quá của Tôi, thật là Thầy Bạn của Tôi vậy.”

Năm Nhân thọ thứ nhất (601) thời nhà Tùy, Vua Văn Đế ban sắc đặt cử Ngài nghinh đưa Xá lợi đến chùa Tư Giác ở Hoa Ngạc. Chùa đó vốn do Tả Bộc Xạ Dương Tố dựng lập nên. Buổi sáng sớm mới hạ

Tháp, mây bủa khắp 4 phía, tuyết phủ cùng núi áp, đất trời đều mịt mờ, ngăn cách mắt không thấy, cho đến lúc giờ Ngọ, bỗng nhiên trời trong xanh, mặt nhật tỏ sáng, hiện mây 5 sắc ở trên nền Tháp cách đất khoảng 5 tượng, xoay tròn như vòng xe lọng. Từ xa có người trông nhìn, thấy ở trên lọng có ánh sáng đỏ rực, tròn trặn thẳng lên xa liền giữa ngần mé trời. Kịp đến lúc lấp phủ xong, mây hợp ánh sáng thấu. Bầu trời trở lại như lúc sáng sớm.

Về sau Ngài thị tịch tại Kinh Đô.

8- Thích Đạo Đoan ở chùa Nhân Pháp tại Kinh Đô:

Thích Đạo Đoan, ngài người xứ Lộ Châu, xuất gia thọ giới Cụ Túc, nghe xem luật tạng. Đến như mọi thứ khinh trọng khai chế, cân nhắc định liệu cương du, nhã làm Tông tượng. Về sau, ngài vào Kinh Đô ở chùa Nhân Pháp, giảng tam Tỳ Ni, thần dụng không hết. Bảy giờ lộ bày các hàng Tuấn cử hậu học đều khâm trọng đó. Lại thêm ngài có được Thể chuộng phương ngôn, phạm văn thư ngữ, mở sách thấu triệt trọn đạt ý thú sâu, chuyên tâm hộ pháp rất có công giúp nhiếp.

Trong niên hiệu Nhân Thọ (601-605) thời nhà Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc mời ngài nghinh đưa Xá lợi đến chùa Phạm Cảnh tại Bồn Châu. Khi mới vào ranh giới của châu ấy, núi non ở đó phần nhiều không có nước, bỗng nhiên Thần suối tuôn vọt lên đánh, chảy đổ thành dòng chẳng phải chỉ 1. những người mắc bệnh trầm kha cố tật uống được nước ấy không ai chẳng lành. Riêng có 1 dòng suối, người bệnh uống tiếp liền sâm sai, như nghẹn rượu thịt, hẳn lại phát động. Xét lường trì giới, trọn dứt trừ mà mạnh khỏe. Ngài đem sự việc ấy tấu trình cùng Vua.

Sau đó, Ngài trở về ở chùa tại Kinh Đô, thường vui thích hoằng dương diễn giảng Pháp. Cuối cùng ngài thị tịch tại chùa Nhân Pháp.

9- Thích Đạo Sám ở chùa Thắng Quang tại Kinh Đô:

Thích Đạo Sám, ngài người xứ Hằng Châu. Tuệ học như Thần, tiếp nối tìm cầu các thứ Nhiếp Đại thừa luận, Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Thập Địa. Nghi sâu đượm phục diệu chỉ, thấu suốt nguyên do tuần tự. Chỉ ngài mến chuộng nơi sâu xa tĩnh lặng, chẳng việc xa hoa, trọng đạo nghĩa, khinh tiền của, từ nhỏ đến lớn. Sau, ngài vào Kinh Đô, ở chùa Thắng Quang, phỏng hỏi Đạo, tìm cầu người hiền. Nơi nường nấu vôi vãi, ngài chẳng từng gá thác.

Đến trong niên hiệu Nhân thọ (601-605) thời nhà Tùy, với công

việc tạo dựng Bảo Tháp, vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc mời ngài nghinh đưa xá lợi đến chùa Biện Hành ở Hứa Châu. Mới đầu vừa đến nơi chùa Tháp, Tôn tượng Đức Phật ở trong chánh điện vốn không Linh dị bỗng nhiên tỏa phóng ánh sáng lớn khắp cùng Viện Vũ. Xá lợi tuôn nhảy ra ngoài bình vàng, lại tỏa phóng ánh sáng xoay chuyển nhiều quanh Bình. Đã gặp lúc nóng đốt nhưng khi sắp nhập Tháp bỗng cảm mây giăng che mặt nhật đến lúc lấp phủ xong mới tan mất. lại ở bên cạnh tháp làm Hồ để cúng dường, nhân đó có được giếng nước xưa cũ, nước sâu và trong sạch, ngọt ngon dịu dàng. Khắp cả châu đều sai phái đến lấy nước từ giếng đó mà không khô cạn hay vẫn đục, mọi người đều tán thán! Về sau, không biết ngài như thế nào.

10- Thích Minh Phân ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô:

Thích Minh Phân, ngài người xứ Tương Châu, là đệ tử Thần Túc của Tam Tạng Pháp sư Da Xá ở thời nhà Tề. Ngài thông hiểu phương ngôn tục ngữ, khéo biết về Phạm văn, truyền đạt u chỉ không gì chẳng là cổ họng môi lưỡi.

Trong công việc phiên dịch Kinh Điển suốt thời gian niên hiệu Khai Hoàng (581-601) thời nhà Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc tìm mời, bảo ngài cùng các vị Phạm Tăng đối truyền Pháp Bản. Mà ngài chuyên kiểm lỗi thất, ưa thích ở chốn không nhàn, đượm vị ngâm vịnh kinh Thập Địa, hễ nói năng bèn liền dẫn cứ. Hỏi luận suốt tài, thông giải nghi trệ khác thường.

Đến trong niên hiệu Nhân thọ (601-605) thời nhà Tùy, Vua Văn Đế ban sắc mời ngài đến thiết đặt Bảo tháp tại chùa Thanh Quộc ở Từ Châu. Chùa đó tức do Vua Văn Tuyên Đế (Cao Dương 550-560) thời Bắc Tề tạo lập. Phía sau Tôn Tượng nơi hang lớn là lăng tẩm của Vua Văn Tuyên Đế, trong đó ẩn tàng các thứ điêu khắc kinh động người quý. Ngài nghinh dẫn xá lợi đến cách châu khoảng 30 dặm, có mây trắng ùn nổi dậy từ chùa đến nơi kiệu kéo dài không dứt, lấp lánh ngang giữa khoảng không, trong đó có trời tiên bay nhảy, trọn ngày mới dứt. Sáng sớm hôm sau khi mặt trời vừa lộ dạng, trở lại có mây trắng kéo dài đến nghinh. Trong mây cũng có Trời Tiên như hôm qua không khác. Mọi người đồng trông thấy, chăm mắt chẳng thể luận bàn. Các hàng Thức giả cho rằng Thạch Quộc và Cổ Sơn liền tiếp kín xa, Tiên Thánh ở Trúc Lâm hưởng ứng nên vậy. đến nơi núi Tháp, ở phía đông có dòng suối, chúng sinh uống nước ở đó đều lành Bệnh.

Về sau, ngài thị tịch tại chùa Đại Hưng Thiện. Các Kinh điển do

ngài dịch phiên ghi trước, đều như ghi lục của Phỉ thị vậy.

11- Truyện ngài Thích Tăng Cái trụ chùa Đại Hưng Thiện ở Kinh đô:

Thích Tăng Cái, là người xứ Hằng Châu, có đến Thái Nguyên, nghe giảng Kinh Niết-bàn. Về sau, Sư đến Lạc hạ, lại gồm thu các nghiệp trước. Sư nghe rằng: “Kinh nêu bày niệam Tuệ, nhiếp tâm tĩnh lự làm đầu”. Sư bèn phế bỏ việc nghe giảng, chỉ chuyên tư duy Định học. Đào luyện tư duy càng sâu thì càng phô bày lỗi lầm của tâm. Sư bèn trọn thực hành việc đó. Về sau, Sư vào Kinh đô, đến thưa hỏi tất cả các vị tu Thiền. Sư trụ chùa Đại Hưng Thiện buông màn xếp gót, chẳng tham dự thế đàm, gần như hạn cục Dị thừa, lược chẳng thắm miệng, mở lời thanh tịnh, không gì chẳng cao.

Niên hiệu Nhân Thọ thứ hai (602) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư đón rước Xá-lợi đến Thương Châu. Đến niên hiệu Nhân Thọ thứ tư (604) đời Tùy, Vua lại ban sắc mời Sư đón rước xá-lợi đến chùa Pháp Tướng ở Chiết Châu. Ban đầu làm hòm đá vốn chỉ màu xanh, đến lúc mài gọt xong biến thành gấm đẹp, bày hình xoáy ốc, lại thấy hình bóng vị tăng chỉ có nửa thân hình. Đến sáng hôm sau đến xem thì hình bóng vị tăng biến thành Phật, ánh sáng soi chiếu thần nghi đều đầy đủ rõ ràng. Lại hiện nổi ba chữ “Nhân Vương Tử”. Trước Phật lại hiện ra hình ảnh một con gà trống đầu đuôi đều có đủ. Hoặc hiện ra tiên phụng, trời người, các tướng rất nhiều. Dân chúng ở huyện Nam Hương phần nhiều sống bằng nghề săn bắn giết hại, nhờ thấy điềm lành đó mà phát tâm thọ giới, thề nguyện dứt hẳn sát sinh. Sau đó, vào ngày khác có người đi lượm củi đến phía Nam chùa Pháp Tướng, thấy có cây phác mới sinh quả kỳ lạ chỉ có trăm quả, màu hồng đỏ như hoa sen sắp nở, bèn hái hai quả đem đến cúng dường nơi Tháp. Các hàng Quan thứ Đạo tục có hơn ngàn người đồng đến bẻ hái lấy, mùi vị giống như nho, và sau cùng dâng biểu tấu trình. Vua kinh lạ về điềm ấy.

Sau đó, Sư lại về trụ chùa Đại Hưng Thiện, đến đầu thời Tiền Đường, Sư mới thị tịch, thọ ngoài chín mươi tuổi.

12- Truyện ngài Thích Đàm Giai trụ chùa Nhật Nghiêm ở Kinh đô:

Thích Đàm Giai, là người xứ Giang Đô. Lúc còn nhỏ, Sư học Luận Thành Thật và các kinh luận như Niết-bàn, Đại Phẩm, chất chứa nơi tâm mắt. Bấy giờ tuy giảng đạo thiếu sót, nhưng nhờ tuệ giải nên Sư

nổi tiếng. Sư từng đến các Pháp điền, chóng nêu bày luận quyết, xin cứ văn từ yếu chỉ, khiến các hàng học giả đều kinh sợ. Sư thường xem đọc rất nhiều kinh sách, ghi chú những điều uẩn đem hỏi các bậc Lão túc. Các vị đều khoan tay kính nể sự tinh vi ấy, trở lại khai mở chí khí nơi mình, Sư bèn vì châm chước hỏi chung đại khái. Ở Tả hữu Giang đô Sư trải qua rất nhiều năm nên tiếng tăm chẳng sai lầm, thật là chuông hoa vọng.

Vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) đời Tùy, xưa làm Tấn Vương, xây chùa ở Kinh thất, tìm chọn khắp các phương, thỉnh Sư đến ở. Nội Sư lệnh Tiêu Tông, em út cả nhà tố tâm theo nghĩa học, đều khuất lễ quy tâm, kính thỉnh Sư làm Gia tăng. Dẫn hiện lớn nhỏ, thường ở trong Đế Nội, sớm tối cùng thưởng vui. Sư giảng luận Chánh lý chỉ chuyên khai ngộ.

Cuối niên hiệu Nhân Thọ (605) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) ban sắc mời Sư đón rước Xá-lợi đến chùa Sơn Cốc ở núi Hoàn Công thuộc Hy Châu. Xưa tương truyền rằng: “Vào đời Tề có người tên là Quách Trí Biện từng đến phía Nam núi Hoàn Công, người đời rất kính trọng, nhân đó lấy tên ông để gọi. Chùa đó do Vua Cao Đế (Tiêu Đạo Thành 479-483) thời Nam Tề xây dựng, mé rừng ngời ánh thông trúc đan xen, trước có một dòng sông bao quanh, lưng phía bắc là đỉnh núi cao vợi, dòng sông nhiều quanh thật thanh nhã. Sư đi khắp xứ đó để xây tháp. Ban đầu, trong tháng giêng đang phỏng nghĩ tìm chỗ đặt nền, thường phát ra ánh sáng vàng rờn như một xấp lụa. Trước chẳng mưu tính mà đồng khế hợp, mọi người đều rất vui mừng. Lại, ban đầu khi vừa đến làm, trời vốn nắng hạn, người vật đều khô khát, đêm đến đổ một trận mưa lớn, cao thấp đều đượm nhuần, không ai chẳng đội nhờ may mắn ấy. Lại phát ra ánh sáng màu đỏ rực rỡ như đuốc lửa, hành đạo bảy đêm, lại phát ra ánh sáng rực rỡ trùm khắp cả núi. Có hơn năm ngàn người đều nhờ điềm lành ấy, mà sám tội tạo phước, không thể nói hết.

Về sau, Sư lại nối tiếp hạnh nghiệp xưa, cho đến hết đời Tùy. Sau đó, Sư đến trụ chùa Hoằng Thiện. Vì bệnh nên thị tịch, thọ tám mươi ba tuổi. Lúc đó là đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiền Đường.

13- Truyện ngài Thích Đạo Quý trụ chùa Tỳ Pháp ở Kinh đô:

Thích Đạo Quý, là người xứ Tinh Châu, chuyên học Kinh Hoa Nghiêm làm chánh nghiệp. Từ nghĩa tánh độ khoan nhã, đối với ý sâu trong kinh Sư rất có ý sâu, thường phát tinh thể, được tiếng khen ở

đương thời. Thêm vì Sư nhàn cư buông tâm, chẳng can thiệp đến phiền nhiễu. Quán chợ hát hò không hề ghé mắt, Danh lợi sang hèn hẳn tự dứt lời, tinh thuần thanh khiết giữ sự trắng trong, thật đáng là bậc chân sĩ. Về sau, Sư đến kinh đô trụ chùa Tỳ Pháp, lắng ẩn đạo đức, nhàn giữ thân tâm.

Lúc mới đầu xây tháp, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) nhà Tùy ban sắc tìm hỏi, đặt cử Sư đón rước Xá-lợi đến chùa Hội Thông ở Đức Châu. Ngày mới đến bắt đầu làm, phát ra ánh sáng màu đỏ như chiếc bình lớn, lâu sau mới tan. Có một người phụ nữ bị bệnh co quắp đã nhiều năm, nghe Xá-lợi đến, bèn đòi khiêng tới chỗ tháp, khổ tâm phát nguyện cầu xin được đi bằng gậy. Y theo lời nguyện liền lành mạnh nhanh chóng trở về. Đến lúc sắp hạ tháp, bỗng có hình tướng mười hai con chim lớn ít có ở đời, không biết tên là gì, lần lượt xếp hàng bay liệng giữa hư không ở ngay trên tháp, đến lúc lấp xong mới bay đi mất dạng.

Về sau, Sư trấn nghiệp ở kinh đô, sau không biết Sư thị tịch ở đâu.

14- Truyện ngài Thích Tăng Thuận trụ chùa Huyền Pháp ở kinh đô:

Thích Tăng Thuận, là người xứ Bối Châu, Sư chuyên tu học Kinh Niết-bàn, Văn sở tinh tường, ý chí siêng năng xác lập, chịu đựng gian khổ. Sư thường ưa hoằng pháp ở chốn lao tù, không có nhân duyên bố huộc, bèn giả dèm pha những người lương thiện, Văn thư đã xét duyệt, Sư có được phương tiện rửa sạch tội lỗi người khác, gieo thân vào chốn gông cùm, mà tình chí vẫn vui mừng thư thái. Người coi ngục xót thương nguy ách đó, định thả họ ra. Sư bèn lấy kinh số phô bày đọc rõ, vì những người tù bên cạnh mà nói pháp khuyến hóa, sự việc vốn không dấu, nên lại được thả. Ngày ra khỏi ngục, Sư còn tiếc quá sớm. Có người hỏi lý do. Sư đáp: “Tôi nghe các bậc Thánh vào chốn địa ngục giáo hóa chúng sinh. Tuy chẳng bằng với những vị ấy nhưng về thông suốt”.

Vào niên hiệu Khai Hoàng (581-601) đời Tùy, chánh pháp được phục hưng, Sư bèn đến Quan nội, tham tầm thừa hỏi kinh thuật, và dừng ở tại chùa Huyền Pháp. Mãi đến sau này, khi xây dựng các ngôi tháp, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến Tống Châu. Ban đầu, lúc vừa đến Tống thành, trong chợ có một cái giếng cũ từ trước đến nay mùi vị chua đắng, màu nước đỏ au, không ai dám sái dùng, đến lúc xá-lợi vừa đưa đến, thì màu nước bỗng biến thành màu trắng, mùi vị như mật ngọt. Đến chỗ xây tháp, mới đầu phát ra ánh sáng màu đỏ, lại phát ra ánh sáng màu trắng chiếu khắp trong chùa. Vào giờ

thìn suốt cả bảy ngày, trời mưa hoa trắng như tuyết tuôn rơi lẫn lộn giữa hư không. Đến lúc hạ thấp, có chín con hạc trắng bay liệng trên tháp, khi hạ hòm xong, hạc mới bay thẳng về hướng Bắc.

Về sau, Sư trở lại kinh đô, rảo tìm hạnh nghiệp. Đến đầu đời Đường vận nước mới hưng thịnh, Sư bắt đầu đến núi để nung nấu, tuổi tác đã xế chiều, muốn gá tâm trọn đời. Vừa đi đến Bá Xuyên, dưới chân phía nam Ly Sơn, gặp được một ngôi chùa xưa, khám hang đều đổ nát, hình tượng ngã nghiêng. Sư bèn dừng ở lại đó mà sửa sang, trước tiên có chủ gìn giữ, mới tấu trình Biểu Văn xin Võ Hoàng đặc ân chấp thuận, bèn được an phục, nay là chùa Tân Lương. Bộc Xạ Tiêu Võ làm Đại đàn việt, mọi điều cần thiết của Phước sự đều lưu xuất từ nước Tống, tăng chúng đông đúc rất có khuôn phép.

Sau, Sư thị tịch tại chùa đang ở, thọ hơn tám mươi tuổi.

15- Truyện ngài Thích Pháp Hiển ở Kinh Đô đời Tùy:

Thích Pháp Hiển, là người xứ Phù Phong thuộc Ung Châu. Họ Ninh. Lúc bình sinh, chí Sư mến chuộng thiền tịch là chính. Với Văn tự giấy bút, tánh Sư chẳng từng trải qua. Sư luôn trầm lặng ít muốn, chẳng bị thế tục phiền lụy. Thầy của Sư là Sa-môn Pháp Khai là bậc thâm sâu trong Định môn, rất chẳng thể lường biết.

Vào cuối thời Nguyên Ngụy, Sư trụ chùa Vua ở Kinh Triệu, nổi tiếng ngang với Thiền sư Thật từ chốn triều đình đến thôn dã. Kiên vì giản ước trắng trong, hoa quý khuynh chúc, nên Sư gặp được bậc Minh tượng ấy, kính thờ nhiều năm, truyền tập Sư Tông tiếp nối đầu mối sâu mầu. Sư đến trụ chùa Nhật Nghiêm.

Đến cuối niên hiệu Nhân Thọ (605) đời Tùy, xây tháp tại Lũng Châu, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc mời Sư đón rước Xá-lợi đến đó. Sư phát xuất từ kinh đô rước kiệu đến chùa Dược Vương ở Lũng Châu. Nhưng chùa ấy cách châu hơn mười dặm, nhỏ hẹp nghiêng đổ chẳng có hình thế cao rộng. Sư bèn dời đến gần dưới chân núi Tam Vương ở phía Bắc Châu. Lưng dựa sườn núi đến gần sông nước, cao lớn rộng rãi. Sư bèn xây dựng tháp lớn tại đó, phát ra ánh sáng rực rỡ khắp địa vực đồng trông thấy, vui mừng tội diệt. Sư nhân chỗ lợi ấy liền làm lợi ích, rộng giảng nói Pháp yếu, dốc sạch tâm não đó. Ngay nơi một hội ấy, được vinh hiển thành tự.

Sau đó, Sư về lại kinh đô, nhóm chúng kết tập hạnh nghiệp. Mỗi năm vào lúc đầu Xuân, người đến cầu thọ giới cụ túc rất đông, Sư bèn khai phát giới duyên, cổ xúy thực hành Đàn sám, dẫn nhóm chúng thanh

tịnh, liền vì đó mà thí giới. Sau, lúc Sư thị tịch, thọ gần tám mươi tuổi.

16- Truyện ngài Thích Tăng Thế trụ chùa Đại Hưng Thiện ở kinh đô:

Thích Tăng Thế, là người ở xứ Thanh Châu. Sư mang kinh tìm hỏi đạo, chẳng sợ hiểm nguy. Bước chân Sư gần như cùng khắp Phương Nhạc và chỗ chỉ hướng của hùng khí của mũi nhọn cũng khó đương đầu. Bấy giờ, đàm luận là sở trường của Sư riêng mến thích Sư nói năng, Văn từ phong nhã nhiều lớp cất nạm, nêu tiếng tăm Sư vang khắp các xứ Tề Châu, Lô Châu.

Vào niên hiệu Khai Hoàng (581-601) đời Tùy, Sư đến kinh đô, trụ chùa Đại Hưng Thiện, đến khắp giảng hội và chuyên về luận quyết. Đầu niên hiệu Nhân Thọ (601) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến tôn thờ tại chùa Hoàng Tạng ở Lai Châu. Qua niên hiệu Nhân Thọ thứ tư (604), Vua lại ban sắc mời Sư đưa Xá-lợi đến chùa Mật Thắng ở Mật Châu. Vừa đi đến Thanh Châu, dừng nghỉ tại chùa Đạo Tạng, ban đêm phát ra ánh sáng màu đỏ từ trong phòng lưu xuất ra, chiếu thẳng về phía Đông Nam. Đêm đó ở trong thành Mật Châu lại thấy có ánh sáng từ phía Tây Bắc chiếu đến, nhìn như cây đuốc lớn chẳng phải một, bao quanh khắp trong ngoài thành, sáng rực như ban ngày. Mọi người cùng tham dự không ai cũng trông thấy. Về sau đến lúc dò xét mới biết là dự báo trước. Khi đã đến chỗ làm, suốt hai đêm phát ra ánh sáng, nhiều quanh thành sáng rực như trước không khác. Và lúc Sư nâng bình muốn đưa cho đại chúng xem thì bỗng nhiên không thấy. Sau đến chỗ tháp chùa, lại phát ra ánh sáng rực rỡ soi chiếu khắp cùng chùa viện. Ngày đầu tiên mới hành Đạo, đả sát giáo hóa, có hai Viên Xá-lợi hiện ở trong bình, đến lúc tạo hộp đá bỗng biến thành vàng, lớn như hạt táo, hạt đậu lẫn lộn nằm dưới đáy hộp, còn các chỗ khác đều biến thành lưu ly màu xanh. Nhân đó, Sư tấu trình đồ biểu đầy đủ, Vua rất vui mừng.

Về sau, Sư trở lại kinh đô chẳng bao lâu thì thị tịch

17- Truyện ngài Thích Pháp Châu trụ chùa Tĩnh Giác ở kinh đô:

Thích Pháp Châu, không rõ Sư là người xứ nào, thân Sư cao to, nói năng lớn tiếng. Với Kinh Niết-bàn và Luận Nhiếp Đại Thừa là chỗ Sư hằng lưu tâm. Điều hội thắng tập, Sư thường tham dự, thân tướng Sư cao vợi, lắm người trông nhìn vãn hỏi, do đó mà nổi tiếng, lại có đức hạnh.

Ban đầu, Sư trụ chùa Tĩnh Giác ở Khúc Trì, rừng trúc um tùm tươi tốt, ao sen bao quanh, thanh thân một phương, lấy đó làm tự đắc. Bấy giờ, ở Kinh Hoa tình cờ gặp được những vị hình tướng nghĩa học như Sư có đến mười người, đồng khí tương cầu, thường đến nhóm họp vui vẻ, ngửa nghiêng nơi rừng tươi tốt thì phú ngâm vịnh gió trăng. Bấy giờ, mọi người gọi là “Khúc Trì Thập Trí”.

Đến niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, xây dựng các tháp. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến chùa Tu Tịch ở Hàn Châu. Lúc đầu, mới làm hộp đá, bỗng có một con chim bồ câu bay vào trong hộp, tự nhiên thuần quen, hồi lâu mới bay đi. Tại chùa đó có bốn ngôi tháp gạch, hình dáng cao lớn, mỗi ngôi đó lại có bốn ngôi tháp nhỏ trấn ở bốn góc, được làm bằng sứ xanh. Ở phía trên có đồ họa về Bốn Sự. Trong đêm Xá lợi vừa đón rước đến, mỗi ngôi tháp đều phát ra ánh sáng như lửa xung thẳng lên. Mọi người ở bốn phương cùng một lúc trông thấy, thường phát ra ánh sáng như ráng đỏ dài khoảng ba trượng, đủ các hình tượng Chư Phật, Thánh tăng chẳng phải một, đều hiện bày trong đó.

Về sau, Sư lại đến trụ chùa Đại Thiên Định, khi thời vận nhà Tiền Đường mới đặt nền tảng, vì Sa-môn Cảnh Huy xây dựng chùa Thắng Nghiệp ở Phường Nhân Thọ, thỉnh Sư đến đó đầu tiên. Ban sắc đặt cử Sư trông coi việc chùa. Lại đổi lại tên Phường để hợp với hiệu chùa. Ban đầu, Sa-môn Cảnh Huy cùng chư tăng Đạo bạn ở tại Trường An, về sau thay đổi thường độ, thân mang mặc y phục thế tục nhưng vẫn thường ngồi nghỉ ở chùa, chẳng xả giới nghiệp. Nói năng ẩn phục thường hợp với sấm ký.

Vua Cao Tổ (Lý Uyên 618-627) thời Tiền Đường, lúc xưa ở tại Kỳ Châu đã có dự biết trước, nên khi đã tiếp thừa ngôi báu, nhớ nghĩ lại lời xưa, bèn đắp họa hình tượng, tạo lập miếu vũ, làm sáng tỏ huy hiệu. Từ khi Sư đến đó ở trải qua nhiều năm, mà không hề xa hoa, phòng nhà thú sung, mọi việc chúng tăng đều cẩn trọng đầy đủ. Đến đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, vì bệnh nên Sư thị tịch, thọ hơn tám mươi tuổi.

18- Truyện ngài Thích Tuệ Đản trụ chùa Diên Hưng ở kinh đô:

Thích Tuệ Đản, là người ở xứ Ung Châu. Sư nghiên cứu, tu học Kinh Niết-bàn và thông hiểu Luận Nhiếp Đại Thừa, do thường lên toà giảng tịch nên có tiếng tăm ở kinh đô. Sư là học sĩ của Pháp sư Đàm Diên, trụ tại chùa Diên Hưng.

Trong niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư đến xây dựng ngôi tháp tại chùa Thiên Trúc ở Hàng Châu thuộc núi Linh Ẩn, ở đó, rừng đá cao vợi, thật từ trước đến nay là nơi của Tiên Thánh. Lúc mới bắt đầu xây dựng nền móng ngôi tháp, gặp nhiều phiến đá nằm úp, đào được một chỗ là hộp đá xưa, có đặt hiệu bên cạnh, tinh tế chẳng thể lường. Nhân đó, Sư bảo đến đặt trong hộp đá cũ, lớn nhỏ hài hòa như đã lường tính trước.

Sau đó, Sư về lại chùa cũ, giảng dạy bình thường, tuy chẳng phải bậc nổi tiếng, nhưng cũng thuộc về tài năng. Đến đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiên Đường, Sư thị tịch tại chùa Diên Hưng, thọ hơn bảy mươi tuổi. Lúc sắp tịch Sư nói năng vẫn trong trẻ, thần sắc không đổi khác, Sư nhìn khắp tất cả pháp thuộc, dặn dò giữ gìn, và bảo tất cả hãy khéo an trụ, rồi Sư điềm nhiên thị tịch.

19- Truyện ngài Thích Trí Quang trụ chùa Đại Hưng Thiện ở kinh đô:

Thích Trí Quang, là người xứ Giang Châu, là Học sĩ của Luận Sư Ni. Thuở thiếu thời, Sư học Luận nhiếp Đại thừa rất thành khí độ. Nói năng bàn luận trong trẻo văn hoa, lời tiếng hùng thế rõ ràng hòa mục, chí độ của Sư nhẹ nhàng khoẻ mạnh, vui vẻ với người nghịch lời tranh luận, khiêm nhường tự hạ mình, được người đương thời kính trọng.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười (590) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Luận sư Ni. Khi đó, Sư cùng theo vào kinh đô, trụ chùa Đại Hưng Thiện. Đến niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, xây dựng tháp, Vua lại thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến Tuần Châu. Trên đường ngang qua Hứa Châu, vừa ra khỏi nam Thành. Mọi người đồng rước Xá-lợi đều trông thấy nơi kiệu, bỗng nhiên phát ra ánh sáng cao hơn một trượng, cả chúng đều vui mừng. Khi vừa đến Phiên Châu, dừng nghỉ trong chùa, đêm đó chuông đồng tự nhiên ngân vang suốt đêm cho đến sáng, làm kinh động cả người vật, mãi đến giờ thọ trai âm vang mới dứt. Lúc đã đến đạo tràng chùa tháp, ngay khi đặt Xá-lợi xuống thì trời tuôn rải cam lồ, trên cây bên cạnh tháp ngưng đọng sắc mầu như váng sữa, có ánh sáng mầu trắng soi chiếu giữa ban ngày.

Sau đó, Sư trở lại kinh đô, dùng giáo pháp để tự vui sống, từng khai giảng luận Nhiếp đại thừa, rất có tiếng tăm ở đất Tần. Đến lúc tuổi già, Sư nhàm chán bàn nói nên trở về nơi suối rừng tĩnh lặng. Rồi Sư lại đến Lô phụ, dứt bật mọi việc của người đời, chuyên tâm thiền định, tự tiết chế lấy mình. Sư thị tịch tại phòng nhà ở núi.

20- Truyện ngài Thích Trí Giáo trụ chùa Hoàng Thiện ở kinh đô:

Thích Trí Giáo, là người xứ Ung Châu. Sư tụng tập các kinh, nhưng ý vẫn chuyên thiền quán. Ban ngày thì tập đọc, đêm đến thì tĩnh tọa trầm lắng, an nhiên vô vi, chẳng còn phiền lụy sự đời. Sư trụ chùa Hoàng Thiện, nhàn cư tu nghiệp.

Vào niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, xây dựng tháp tại chùa Vĩnh Ninh ở Tần Châu. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến đó. Khi đã đến chỗ tháp, gặp ngay đêm Bồ-tát, có mùi hương lạ như sương móc cuộn vào trong cửa. Cả đại chúng đồng lấy làm lạ về sự thấy nghe ấy. Lại ở trên tháp, phía trước sát trụ thấy có dấu chân người rất lớn dài một thước hai tấc, đập lún sâu tới hai phân, tướng đường vân xoắn tròn của mười ngón thấy đều đầy đủ, tìm không thấy dấu vết tiếp nối, do điềm thần ứng nên như vậy. Lại giáng mây lạ đến kết tụ ở phía trên Tháp. Lại hoa trời tuôn rải như mưa, tướng trạng như vàng báu. Lại nghe giữa hư không có tiếng khen ngợi công đức Phật-đà. Các hàng quan dân đạo tục đều cùng nhau mừng vui hơn hở.

Sau đó, Sư về lại chùa cũ, tiếp tục thực hành Đạo nghiệp cho đến năm thị tịch.

21- Truyện ngài Thích Viên Siêu ở kinh đô, đời Tùy:

Thích Viên Siêu, là người ở xứ Phụ Thành thuộc Quán Châu. Các Kinh Thập Địa, Niết-bàn, Sư từng học qua, mọi sự phô bày của nói năng và hành động thấy đều thưa hỏi Đạo. Về sau, Sư đến trụ chùa ở kinh đô, nêu danh nơi Đài Tĩnh.

Đến niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc mời Sư đến xây dựng tháp tại chùa Hóa Thành ở Quán Châu. Lúc mới đến châu, cách chừng hơn bảy mươi dặm, các hàng đạo tục đều đua nhau treo phướn dài, gió nam thổi mạnh, cây rừng nghiêng ngã về hướng Bắc, chỉ có chân phướn nam bắc cùng phân, tuy bị gió thổi mà không bị dờ loạn. Đến lúc mới hành Đạo, lập hai bàn Phật, bỗng nhiên có hai con chuồn chuồn, mỗi con đến đậu trên một bàn tương đương, thân hình thô lớn dài cả năm tấc, màu xanh lục sáng bóng, lớn như ngón tay người, suốt bảy ngày đứng tương tục như trước. Khi hành Đạo đã tan, bỗng nhiên nó bay đi. Đến sau lúc hạ tháp nó bay trở lại, khi chôn lấp đã xong thì tuyệt nhiên không còn thấy nó nữa. Nay lúc chánh thức hạ đặt, giữa khoảng không trên nền tháp có mây lành năm màu tướng trạng như chiếc lọng, vuông vức ngay thẳng như do người

làm, phía dưới tán mây thấy một con hạc trắng bay liệng vòng quanh.

Sau khi mọi việc hoàn thành, Sư về lại kinh đô, không biết về sau Sư thị tịch ở đâu.

22- Truyện ngài Thích Tuệ Tạng trụ chùa Quang Minh ở kinh đô:

Thích Tuệ Tạng, là người xứ Ký Châu. Ban đầu, Sư học Kinh Niết-bàn, về sau chuyên việc giảng dạy. Cấm giữ tham ganh, tuyệt vết dèm pha, rõ ràng an đặt từ lệnh, chẳng lệ thuộc nhan sắc. Sư đến kinh đô, thưa hỏi Đạo Pháp, trụ tại chùa Quang Minh.

Đến niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc Sư đến đặt tháp tại Quán Châu. Mới đầu vừa đến nơi chỗ tháp, thiết trai hành đạo, ngay phía trên tháp, có cảnh mây xuất hiện, gồm năm màu lẫn lộn, hình dáng như lọng hoa. Dệt thuê gấm vẽ cũng không thể hơn, từ giờ ngọ cho đến giờ Dậu mới tan mất.

Lại có Sa-môn Pháp Thuận trụ chùa Diên Hưng, học Kinh Niết-bàn, giữ chí căn cấm, khiêm nhường tự tiết độ, giữ gìn đức hạnh không kiêu ngạo, được Vua ban sắc đến trụ chùa Đông Lâm ở Lô Sơn thuộc Giang Châu, đặt tháp thờ Xá-lợi, lúc mới vừa đến chỗ đất đó, có người cày ruộng thấy tỏa ra ánh sáng, bèn tìm ra ánh sáng và đào lên, được một pho tượng Đức Phật Di-lặc bằng đồng mạ vàng, hình dạng rất, liền làm lễ cúng dường.

Không biết về sau Sư thị tịch ở đâu.

23- Truyện ngài Thích Bảo Hiến trụ chùa Đại Hưng Thiện ở kinh đô:

Thích Bảo Hiến, là người xứ Trịnh Châu, là Học sĩ của Luật sư Bảo Trấn. Từ thuở nhỏ, Sư được nương tựa liền vâng theo khoa điều. Ngài Bảo Trấn xét khí lượng, trông tài năng chắc chắn đầy đủ để tiếp nhận Đại Pháp. Đến ngày thọ giới cụ túc, Sư chỉ còn kính phụng theo văn ngôn, còn như mọi thứ khuôn phép đều đã hoàn bị từ trước. Sư có được tình cảnh thầy trò như thế, và hạnh nghiệp rộng lớn như thế.

Đến đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, Sư theo thầy Bảo Trấn, đồng đến trụ chùa Đại Hưng Thiện, oai nghi điều thuận, nói năng không can dự đến thế tục. Đến niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, ngài vâng sắc đến đặt tháp ở Hồng Châu, là đất xưa của Dự Chương. Ban đầu, hưởng đến châu đó, đường đi từ giang trở, dòng chánh đã mất, chỉ bùn sinh bưng bít chẳng thông, sức người đã hết mà không thể tiến tới được. lộ trình kỳ lạ bức bách, nên các hàng đạo tục đều lo sợ, Sư bèn

tựa nương vào tâm Xá-lợi xin rữ chỉ đường thông suốt, bỗng giáng hiện một con chim trắng bay liệng ở phía trước thuyền, chợt đến chợt đi như là dẫn lối, Sư liền bảo nương theo đó, bèn gặp được mạch nước, đầu đêm đẩy thuyền, bình an đến nơi không chướng ngại.

Sau đó, Sư về lại kinh đô, tiếp tục thực hành Đạo Nghiệp xưa, mãi đến ngày thị tịch.

24- Truyện ngài Thích Pháp Lăng trụ chùa Thắng Quang ở kinh đô:

Thích Pháp Lăng, là người xứ Bồ Châu, Sư học qua Tam Tạng, riêng xét về Tỳ-ni, khai vạch thiên tục, chẳng ngăn ngại bởi danh văn. Lại thêm khí tiết bình thản ngay thẳng, chẳng chịu xem thường, quyết đoán cứng rắn, không riêng ép buộc. Sau, Sư đến trụ chùa Thắng Quang, mở bày nghiên cứu luật điển, đi ngang qua cửa phòng Sư không ai chẳng kính sợ.

Đến niên hiệu Nhân Thọ thứ hai (602) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến chùa Đại Hưng Quốc ở Thiên Châu. Chùa đó vốn là nơi ra đời của Hoàng Khảo Võ Nguyên. Nên Vua xây chùa dựng tháp để cảm tạ duyên xưa. Lúc vừa đến trong cảnh vực châu đó, cả ba ngôi chùa Đại Thông, Thiện Pháp và Diễn Nghiệp, vào lúc ban đêm ở mỗi chùa đều phát ra ánh sáng, không biết từ đâu đến mà soi chiếu khắp cùng trong chùa, thấu suốt không ngăn ngại, trong chùa Thiện Pháp hiện ra cây có ba hoa, hình sắc rõ ràng. Vào này mồng hai tháng tư, trong chùa Linh Thắng, ban đêm bỗng phát ra ánh sáng năm màu, hình thái như mây hợp thành một cái lọng, và đều biến thành màu tím. Khi đón rước linh kiện vào thành, mây lọng mới tan. Lại có áng thái mây năm màu rực rỡ từ hai phía Tây Bắc và Đông Nam cuộn cuộn bay đến phía trên tháp hợp lại mà trụ. Đến lúc đào bới nền tháp, sâu xuống năm thước, có một con chim lạ hình dáng như chim Anh Dục, màu xanh vàng, đi tuần nhiều quanh viên tháp, mọi người chạm bắt lấy, chim không tỏ vẻ kinh sợ, chỉ ăn hoa vàng, ba ngày sau, chim bị chết. Lại dùng đá xanh làm hộp, bỗng sinh ra bóng sáng, trong ngoài đều thấu suốt, hiện các linh dị. Ở hai mặt Đông Tây đều hiện song thọ, dưới cây đều có làn nước phát sinh. Mặt phía Tây trong hộp hiện ra hai vị Bồ-tát, vị đứng bên cạnh phía Nam màu vàng vị, kệ đứng bên cạnh phía Bắc màu bạc, cùng tương xứng nhau. Lại có hai vị Bồ-tát ngồi trên đài hoa, mỗi vị đều cao một thước và đều phát ra ánh sáng màu hồng tím. Mặt phía nam trong hộp hiện tượng Thần ni, chấp tay nhìn về hướng Tây. Mặt phía Tây

mỗi hộp, hiện Đức Phật nằm nghiêng hông bên phải, đầu hướng thẳng về phía Bắc, mặt xoay về hướng Tây. Mặt phía Đông ở ngoài hộp hiện tướng chim chết ở trước, nằm nghiêng, chỉ phút chốc đứng dậy, ở phía trên đầu chim có ba hoa vàng. Chim ấy theo hướng Tây Nam bay đến dưới chỗ Phật nằm, rồi đứng yên không nhúc nhích. Những tướng sáng trên, từ đã hiện đến chưa hiện, tướng trạng rõ ràng, Sư bèn bảo người đồ họa ghi chép lại trên giấy xong rồi, mới dần dần biến mất. Đến ngày sắp hạ tháp, bỗng nhiên mây nổi như khói, như sương mốc, vây tròn che mặt trời, lại như vòng bánh xe, sắc màu chia ra riêng biệt, lại như bánh xe ngân cầm màu mây đều như màu hồng màu tím, mọi người đều ngửa mặt nhìn tướng ấy, ngợi khen lạ lùng ít gặp. Đến lúc phủ lấp đã xong thì bầu trời trở lại toả sáng, mây mù tan biến. Ngay lúc ấy ở phía ngoài vách tường chùa viện đều thấy có phước lọng vây nhiều chung quanh, nói là từ chỗ khác đến cúng dường. Sự việc xong xuôi, tìm hỏi thì không có một dấu vết. Sư vui mừng với những điềm lành thần biến ấy, liền tấu trình lên vua.

Sau đó, Sư trở về kinh đô, vì bệnh nên qua đời.

25- Truyện ngài Thích Đào Toại trụ chùa Chân Tịch ở kinh đô:

Thích Đàm Toại, là người xứ Ung Châu. Ban đầu, Sư tập học Luận Đại Trí Độ. Về sau, Sư lại học Duy thức, nghiên cứu luận Nhiếp Đại thừa, chọn lý sâu kín, Sư thường nói: “Ba cõi luống dối, chỉ là nhất tâm, đuổi tìm cảnh ngoài, chưa ngộ khó dứt”. Nên rất được tôn xưng có Sư thông hiểu. Nhưng Sư lại rất cẩn trọng gìn giữ căn môn, chuyên cần tu trì giới hạnh. Sư trụ chùa Chân Tịch, đóng cửa giữa mai hạnh nghiệp.

Đến niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến chùa Pháp Hống ở Tấn Châu. Lúc mới đến dừng nghỉ ở Công quán thì phát ra ánh sáng chiếu soi khắp cùng cửa tinh xá rõ ràng như màu vàng ròng. Lại phát ra hai lần ánh sáng màu vàng nhạt từ nơi Đạo tràng lưu xuất, rất lâu mới tắt mất. Lại từ chỗ kiệu Xá-lợi đến tận chỗ nền móng ngôi tháp đều phát ra ánh sáng lành, có ba vầng cầu vồng bay bổng, màu sắc như ráng trời lúc sáng sớm, rực rỡ giữa khoảng không cao vợi. Đến ngày hạ tháp, lại phát ra ánh sáng, lúc ẩn lúc hiện, nói chung thì trong bảy ngày, điềm linh xen lẫn các tướng biến hiện chồng chất không dứt.

Sau đó, Sư về lại kinh đô tiếp tục thực hành Đạo nghiệp. Đến đầu thời Tiền Đường, Sư thị tịch, thọ hơn tám mươi tuổi.

26- Truyện ngài Thích Đàm Quán trụ chùa Đại Hưng Thiện ở kinh đô:

Thích Đàm Quán, là người xứ Cử Châu. Năm bảy tuổi, Sư xuất gia, rất kính mến Pháp tự. Mãi đến sau khi thọ giới cụ túc, Sư tìm xét nghĩa môn, chỉ y cứ vào Luận Thành Thật dứt bỏ mọi vướng mắc. sau cho rằng tuệ giải là gốc loạn thần, Sư bèn trở lại lắng nguồn, nhiếp suy nghĩ hàng hóc. Với mười sáu pháp đặc biệt, Sư lại rất mực lưu tâm, Thần chí rộng khắp tiêu hết Tà chướng, vang vọng khắp xa đến tận Thiên quyết.

Khoảng đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc tìm hỏi, thỉnh Sư vào kinh đô, trụ chùa Đại Hưng Thiện, mọi sự cúng dường đều nồng hậu, thường ngày hỏi han sức khoẻ. Sư thường lên sân tía ngồi ở nệm hoa. Vua gần gũi hầu cúng, kính trọng đức hạnh Sư mà cầu học đạo Pháp. Sư khoan dung thuần thoáng, nói năng không trau chuốt, rất được Pháp nhãn rất sâu. Khổ vui đối với tâm hoàn toàn rộng lắng, nên khiến danh lợi tuy ngày một tăng mà vẫn thường có khí tiết trinh thuần. Mọi vật tín thí cúng dường Sư đều sung nhập vào của chúng tăng, phòng nhà rộng rang, chỉ có y bát mà thôi. Bấy giờ, các hàng lưu tục đều mến chuộng.

Đến niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, Sư vâng sắc đón rước Xá-lợi đến chùa Định Lâm ở Bồn Châu. Lúc mới, dừng nghỉ ở Công Quán, liền phát ra ánh sáng rực rỡ, đào bới nền móng sâu đến tám thước có được một ngôi tháp bằng đồng, trên đầu ngay bằng, dưới nền vuông vắn, có hai cửa đối xứng, thiết chế như thần tạo, khắc chạm đến kinh hải người. Sư bèn dùng để đựng Xá-lợi đặt vào bình trong, rất tương dung nhau. Tại châu đó, có người tên là Cầm Cự Hải bị bệnh cam suốt trong sáu năm. Khi nghe đón rước Xá-lợi đến, bèn tự viết thư thỉnh cầu điềm ứng, thấy vốn một viên xá-lợi mà phân chia thành ba phần, màu sắc như vàng ròng chợt trầm chợt hiện. Lại thấy ảnh tượng ba Đức Phật từ giữa hư không bay đến, tức liền bày thuật. Văn từ ngôn cú như dòng chảy.

Sau đó, Sư về lại ở kinh đô, không biết về sau Sư thị tịch ở đâu.

27- Truyện ngài Thích Linh Đạt trụ chùa Diên Hưng ở kinh đô:

Thích Linh Đạt, là người xứ Hằng Châu. Lúc đầu, Sư học theo Nho Môn, tham cùng kinh sử, chỉ thấy càng thêm tướng đồ lược, bấy giờ tuy có tâm nhân nghĩa, nhưng cuối cùng lại đắm chìm trong các cõi, chưa thoát khỏi được vô thường. Sư bèn cắt tóc Đạo lưu, mong tôn thờ

khôn phép chánh, nương tựa Ngài Viễn Công mà học Đạo nghĩa, đều nhận biết được đại ý. Nhân đó bèn nhất quyết nương theo, ba nghiệp không xả bỏ. Đến lúc Viễn Công vào chốn kinh đô vì kính mến nghĩa nên Sư cùng theo. Về sau, Sư trụ chùa Diên Hưng, lui ẩn tự giữ, ngồi thẳng thức liễm thân tâm, suốt ngày thiền mặc, ăn mặc chỉ thô xấu, chẳng mong cầu lહે loẹt.

Đến niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến chùa Long Trì ở Bồn Châu. Lúc mới định chỗ làm nền móng, nghe có mùi hương lạ, dần dần phân tỏa theo chiều gió lan tỏa khắp trong chùa. Trong dân chúng có một người tên là Kim Huyền Tấn, ở bên cạnh chùa, từ trước bị bệnh tịt mũi, hơn hai mươi năm không hề nhận biết các thứ mùi thơm hôi, ngay ngày hôm đó bỗng nhiên ngửi được mùi hương, kinh hãi bèn tìm đến chùa, nhân đó bệnh tịt mũi được lành. Lại có mưa hoa trời từ giữa hư không tuôn đổ xuống, hình thái ánh sáng đẹp sạch rực rỡ như vàng bạc, trước tiên rơi xuống chỗ tháp, sau đó vào trong chùa viện. Các hàng đạo tục đua nhau tiếp lấy nhẹ mỏng như sợi. Sau khi hạ Xá-lợi xong, có hai con hạc trắng bảy liệng phía trên tháp, giây lâu mới bay đi.

Sau đó, Sư liền tiếp tục tìm theo định nghiệp, thưa hỏi khắp núi rừng đồng trống, chẳng đoái hoài danh quán, thực hành hạnh đầu-đà, ở nơi rừng mả. Tuy gặp các thứ quỷ thần mà không hề khiếp sợ. Đến đầu niên hiệu Đại Nghiệp (601) đời Tùy, Sư thị tịch nơi mồ mả trong rừng rậm. Lúc đầu, không ai nhận biết, có người trong xóm lấy làm lạ vì không thấy Sư đi khát thực, bèn đến tìm xem thì thấy Sư đã tịch, thân tướng Sư ngồi kiết già như lúc còn sống. Nhân đó hợp làm chiếc giường vuông tẩm liệm và an táng trong hang Đỗ Thành.

28- Truyện ngài Thích Tăng Hân trụ chùa Đại Hưng Thiện ở kinh đô:

Thích Tăng Hân, là người xứ Thượng Đẳng thuộc Lộ Châu. Từ khi Sư vào Đạo Pháp, nghe khắp cả Đại Thừa, Tiểu Thừa. Cho đến cả thiên luật, Sư đều trải qua. Dốc hết thân tâm, không pháp tịch nào Sư chẳng tham dự. Trong sự dạy răn các hàng ngu trí gồm cả ồn náo và tĩnh lắng. Sư một mực giữ gìn chánh độ, cung kính cẩn trọng Kinh luận, nhận hiểu vạch bày, không hề chột quên. Lúc đầu, chúng tăng thấy sư cúi mặt ít nói, dứt bật luận đạo nên đều gọi Sư là Lão già mờ tối. Sau, có bậc trí giả hỏi về Văn từ nghĩa lý, Sư đều trình bày áo nghĩa sâu xa. Xem thường chương cú, chẳng hề can dự trong lòng. Có người hỏi về

lý do, Sư đáp: “Chớ khinh kẻ chưa học, Diệu đức thường ẩn tàng, chỉ có bậc Đại Giác mới có khả năng tĩnh lặng và soi chiếu, hàng Thanh đức minh ước mới không có vết lỗi nhỏ. Kẻ ngu si theo khuôn phép mọi vật, có lúc sẽ thông ngộ. Chỉ hai mắt đều sáng mới lấy được Hội Tông, chẳng được vì Pháp mà làm khổ lụy tới người, đến nỗi trái với sự mong cầu kính phụng!”

Đến lúc nhà Bắc Chu phá diệt Đạo giáo và Phật giáo, Sư bèn lánh ẩn vào Thái Sơn, đến khi thời vận nhà Tùy mở thoáng, Sư lại trở về học tập tu hành, rảo bước chốn Lạc Hạ, theo học ở Viễn Công. Với các Kinh Thập Địa, Niết-bàn, Sư đều nghiên cứu tông lãnh. Sau, Sư vào Quan nội trụ chùa Đại Hưng Thiện, thể độ cao sáng, chẳng khuất phục trái lạt. Lúc giảng dạy, ngôn từ bày nêu, đề nén và nâng bốc rất có độ lượng. Còn như mọi việc của chúng tăng tu đạo, tâm tình Sư vẫn đặt trọng chuyên cần tha thiết, đích thân dẫn trước, gánh vác vận thiệp.

Đến niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến chùa Hộ Pháp ở Mao Châu để xây tháp cúng dường. Lúc mới đến dừng nghỉ nơi công quán, Có Sa-môn Đàm Nghĩa là bậc danh tăng cao hạnh, nói rằng: “Nghe các viên Xá-lợi đều phát ra ánh sáng, chỉ vì chúng ta, v.v... tội nghiệp quá sâu nặng nên không có ứng hiện gì!”. Sư bèn cởi áo làm lễ sám, đốt một ngón tay làm đuốc, suốt đêm cúng dường đến sáng sớm bèn phát ra ánh sáng soi khắp người vật. Lại lưu xuất ra bình vàng xoay chuyển hành đạo, có ánh sáng ba màu xanh, đỏ, trắng soi chiếu khắp cùng, qua mấy đêm ánh sáng ấy mới tan mất. Đến đầu hôm mồng bảy tháng tư, lại phát ra ánh sáng đỏ rực như đốt đuốc khắp trong Phật đường, phút chốc lưu xuất ra ngoài cửa, soi chiếu khắp cả bốn phía mái nhà. Lúc sắp đặt để vào hộp lại phát ra ánh sáng màu đỏ sáng rực hơn cả mặt trời, suốt đêm lại soi chiếu trong hộp. Qua ngày mồng mười tháng tư, Hoa trời như tuyết từ giữa hư không rơi loạn xuống, năm màu xen lẫn, mọi người đều nhật được. Lại cảm có có mùi hương lạ, theo gió nhẹ thoảng xông khắp trong chùa. Hộp đó bỗng nhiên biến thành Lưu ly màu xanh, trong ngoài thấy suốt. Có người dùng lụa mỏng màu trắng phủ bọc chung quanh mấy lớp, lại phủ mỏng lên trên hộp đó. Lại dùng tro bụi bùn sinh phủ lên trên, sau đó ánh sáng lại soi chiếu qua lớp bùn đó, lại đồng như màu của hộp. Lại ở trên lớp tro bụi bùn sinh ấy vẽ mười bông hoa, dùng vàng mỏng để tô điểm đến sau khi thành tựu chỉ còn lại một màu vàng ròng, ngoài ra các hoa đều rực rỡ. Lúc chưa hạ tháp, có Tín sĩ Trương Thế Khiêm là người thường tu trì bát Quan trai giới, lìa bỏ vợ

con tôi tớ, ở nơi phòng thất tĩnh lắng tụng kinh, bèn nghe có âm thanh phạm tán ở chỗ kiệu rước Xá-lợi, bèn ra cửa nhìn, thấy có chư tăng, mỗi vị đều cầm nắm hoa hương đi nhiễu quanh cúng dường, bỗng chốc bèn biến mất. Lại thấy có trời người cầm các phướn lọng và hương hoa từ hướng đông nam bay lại, ngay trên đỉnh tháp biến thành vầng mây lớn, xoay chuyển giữa hư không giây lâu. Lại thấy có hơn trăm vị Sa-môn ở trên nền tháp, cầm chổi quét đất bù đắp thêm. Đến lúc sáng sớm thì vắng lặng không thấy gì. Bấy giờ, đang là mùa hạ nắng nóng, đất đai khô cằn, mọi người đều mong có mưa, ứng niệm liền tuôn mưa xuống, nước mưa dày bốn-năm tấc, khắp sông đồng đều dứt trừ được lo khổ. Tại huyện Sa Khâu có Lê Như Ý là người hồi tâm kính tin Phật, thấy tướng ánh sáng. Đường tuy xa mà ngồi sáng, mắt thấy suốt thấu chư tăng trong chùa có năm vị đang ở trong Phật đường. Lại nghe bên cạnh Tháp có tiếng âm nhạc khen ngợi, tiếng vang rất xa. Lại hoa trời tuôn rải như mưa, khắp cùng bốn mươi dặm, nơi nền tháp thì nhìn gấp bội. Sư vui mừng với các điềm lành ấy, bèn dâng biểu văn tấu trình đầy đủ.

Sau đó, Sư trở về, tiếp tục thực hành Đạo Nghiệp, không biết về sau Sư thị tịch ở đâu.

29- Truyện ngài Thích Huyền Cảnh trụ chùa Không Quán ở kinh đô:

Thích Huyền Cảnh, là người xứ Triệu Châu, Sư lập chí thanh bạch trinh thuần, chẳng can hệ với lưu tục. Đối với luật Tứ Phần, Sư tinh thông văn nghĩa, chẳng thích mở mang, thường tìm nơi dị Bộ, khởi phát trái thuận, phẩm chương phước lập, rất có thần thái. Sư trụ tại chùa Không Quán, nhân tán ưu nhu, là vị Tăng vô vi.

Niên hiệu Nhân thọ thứ hai (602) đời Tùy, Sư vâng sắc đặt ngôi tháp tại chùa Vô Tế ở Bồ Châu. Ngày làm nền móng, bỗng nhiên phát ra ánh sáng màu đỏ biến chuyển chẳng thường, hoặc như hình tượng, chợt như lâu gác. Lại phát ra ánh sáng màu trắng, có lúc ánh sáng lớn nhỏ, nhiễu quanh bên cạnh bình. Đến ngày mồng bốn tháng tư, lại phát ra ánh sáng rực rỡ màu tím lục xen lẫn, đến ba lượt mới thôi. Lại trong ánh sáng ấy thấy có pho tượng Phật, thân cao hơn hai thước ngồi trên tòa sen, và có các vị Bồ-tát hầu cận ở bên cạnh nghinh dung trang nghiêm, từ giờ mao cho đến giờ Dậu mới biến mất. Ngay lúc ấy, mọi người đều trông thấy.

Sau đó, Sư về lại chùa Không Quán, lại học Thiên tông, dừng ở nơi Đông Viện, nhóm họp các Bạn đồng tu, phần nhiều thực hành hạnh

đầu-đà. Sau, Sư thị tịch tại chùa đó.

30- Truyện ngài Thích Trí Qũy trụ chùa Hoàng Tế ở kinh đô:

Thích Trí Qũy, là người xứ Ký Châu, rất kính mến Niết-bàn, tịnh trì giới hạnh, chẳng màng vinh hạnh, thường biết đủ không mong cầu. Sư trụ tại chùa Hoàng Tế, đóng cửa, tu hành Đạo Nghiệp, tăng chúng kính phục trí đức của Sư nên rất xem trọng, thường đặt để Sư nơi chỗ cao quý, tôn xưng danh thật, nhưng Sư chẳng hề đoái hoài, bèn lúi ẩn tu, như không hề nghe thấy.

Đến niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, ở khắp nơi đều xây tháp. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư đón rước Xá-lợi đến chùa Khai Giác ở Ngụy Châu. Lúc vừa đến chỗ làm, bèn phát ra ánh sáng rực rỡ màu tím trắng cùng phô bày lẫn lộn, năm màu tỏa phát. Có Tỷ-khưu-ni Trí Khoáng mắc bệnh sốt rét đã nhiều năm, nhân kính lễ phát nguyện, bèn thấy được ánh sáng màu đỏ soi chiếu khắp phòng nhà, bèn nhả vật xấu ác ra, từ đó, bệnh được dứt hẳn. Lại có người mắc bệnh nặng nghe vậy vui mừng, cúi đầu trên gối mà phát nguyện, cũng được ánh sáng soi chiếu và bình phục lại như cũ. Khi đến chỗ tháp, các trình trạng bệnh hoạn được khỏi như thế rất nhiều, không thể ghi hết. Có Dương Đại Nhân trước kia mắc bệnh hai mắt mờ không thấy, dẫn đến chỗ kiệu nguyện cầu, liền nhìn thấy Xá-lợi như mắt vốn sáng sạch, những trường hợp như thế lại rất nhiều. Đến ngày mồng tám tháng tư, lúc hạ tháp xong, từ phía Tây Bắc có mây nhóm lại, hoa rải trên tháp như mưa, lẫn lộn lẫn tả như mây, màu tợ vàng ròng, khắp cùng cả chùa viện. Các hàng đạo tục nhật lấy, hình dạng như hoa bằng vàng. Lại cảm có một con chó mực, chẳng biết từ đâu đến, đi thẳng vào nơi đạo tràng và nhiều quanh hành đạo, mỗi ngày đến sau giờ ngọ, cho bánh, nó chẳng chịu ăn, cho nước thì uống. Đến lúc giải trai hội cho cháo mới ăn. Trong chùa có một đàn chó khác thường, cắn xé rất dữ, nhưng khi thấy con chó ấy liền cúi đầu kính sợ, không dám liếc nhìn. Ở chỗ tháp có dựng một bia đá dày ba thước rưỡi, bỗng nhiên phát ra ánh sáng trong vắt như lưu ly, soi chiếu mọi vật, đều thấy rõ ràng. Lại thấy voi sáu ngà đều hiện trong bia đá. Đến cuối tháng năm, ở trong bia ấy có bảy lần biến đổi tướng trạng, hoặc là pho tượng Phật, Thánh Tăng, Song Thọ v.v... các điềmtướng chẳng phải một, Sư đều tấu trình những việc ấy lên vua.

Về sau, Sư dời đến Chung Nam, trụ chùa Thiên Tịch, leo lên non chằm, ra đi chẳng trở lại.

31- Truyện ngài Thích Tăng Phạm trụ chùa Thắng Quang ở kinh đô:

Thích Tăng Phạm, là người ở xứ Ký Châu, Sư học gồm các kinh điển Đại thừa, Tiểu thừa, lắng chuyên Tâm nghiệp, tìm thấy thiền niệm, dốc lòng kính lễ. Các pháp định yếu Sư thành đạt, hẳn gấp bội so với đồng bạn. Sư trụ tại chùa Thắng Quang, nhờ tuệ giải mà được suy tôn.

Đến lúc Vua Văn Đế (Dương Khiêm) đời Tùy xây dựng tháp, ban sắc thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến chùa Giác Quán ở Bồn Châu. Mỗi ngày đến lúc chiều tối, thường phát ra ánh sáng, màu vàng đỏ đan xen rực rỡ, biến hóa chẳng phải một. Có Sa-môn Tăng Biện bị bệnh tai điếc suốt bốn năm, nghe có tiếng như ở nơi tường vách, chỉ một lần trông thấy Xá-lợi, hai tai bèn được mở thông hơn thường ngày. Tại châu đó, có Tô Pháp Hội chân trái bị co quắp đã hơn mười chín năm. Tự chống gậy đến đánh lễ cầu nguyện, sau đó bèn được lành mạnh, vất bỏ gậy mà trở về. Chính mắt Sư trông thấy những linh nghiệm thần đạo như thế, tin biết kinh giáo chẳng phải là thứ dối bày, chỉ do chí tiết thành thật chưa hiển bày, nên đến nỗi có sự sai lầm!

Sau đó, Sư về lại chùa cũ, tiếp tục thực hành khuôn vết trước. Không biết về sau Sư thị tịch ở đâu.

32- Truyện ngài Thích Bảo An trụ chùa Tịnh Ảnh ở kinh đô:

Thích Bảo An, là người xứ Duyện Châu. Sư giữ chí an bản tu học. Mọi người trông thấy đều kính trọng. Lúc đầu, Sư nương tựa Sa-môn Tuệ Viễn, nghe học Kinh Niết-bàn, rộng nghiên cứu Tông lãnh. Đến lúc nhà Bắc Chu diệt, nhà Bắc Tề mất, Sư đi về hướng Nam đến nước Trần. Đến khi nhà Tùy thống nhất thiên hạ, Sư về lại quê cũ, sau đó Sư đến Triều Lạc, Sư lại theo Sa-môn Tuệ Viễn, nhờ đó mà học nghiệp xưa càng sâu xa hơn.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ bảy (587) đời Tùy, vì kính mến Đạo nghĩa, nên Sư vào kinh đô trụ chùa Tịnh Ảnh. Lúc bấy giờ, ngài Tuệ Viễn hoàng dương Chánh Pháp đang rất hưng thịnh, dưới tòa thánh chúng gồm cả ngàn người. Mỗi một chế ước ở trong giảng hội, ngài Tuệ Viễn đều giao hẳn cho Sư. Khi đó mọi người từ phương xa đều tìm đến, danh vọng rất nhiều, khó có thể tiếp nối hài hòa, nên ngay trách nhiệm đó. Sư bèn tùy cơ khuyên dụ, cứu giúp rất có khuôn phép. Tuy nêu bày đủ thứ trừng trị răn đe mà không hề có tâm oán cừu, mỗi người đều nhớ nghĩ kính mến, khen ngợi. Sư giảng các Kinh Thập Địa, Niết-bàn rất thuần thực, khéo léo ở đương thời, nhưng tánh Sư vẫn nhiếp giữ

sự im lặng, không thích giảng dạy. Nếu có hỏi đáp, Sư biện đối tợ dòng suối đổ.

Đến niên hiệu Nhân thọ thứ hai (602) đời Tùy, Sư vâng sắc thỉnh đến đặt tháp tại chùa Phạm Tràng ở Doanh Châu, tức là thành Hoàng Long. Xưa có ngôi tháp gồm mười bảy bậc cấp, ngăn che ở trong, đặt Xá-lợi. Đang lúc nửa đêm ở phần trên đều phát ra ánh sáng màu trắng, tướng trạng như mây mù, ban đầu chỉ có một trượng, dần dần tỏa khắp viện, chói sáng rực rỡ, giây lâu mới dứt. Trước sau có đến ba lần, tướng loại đều đồng. Xưa có một con rùa bằng đá hình dáng rất lớn, muốn làm hộp dùng dần đặt rất khó, thợ đá theo quy mô đểo gọt thành hộp, trong ba phần bỏ hết hai phần. Sư tự nghĩ: “Đá lớn mà hộp nhỏ làm sao chọn thành, sợ lỗi ngày với kỳ hạn, trong lòng lo lắng như lửa đốt”. Nhưng đến sáng sớm đến xem thì đá ấy rất xứng với hộp, tự nhiên phân chiết, chẳng nhọc khắc gọt, rõ ràng thành tựu. Hộp tuy do thần tạo, tính ra đáng rất nặng nề, nhưng kê gân cùng kéo thì nhẹ đi, nhanh như đuổi theo. Chẳng nhọc đến chùa, bền đứng y như kỳ hạn, Sư rất vui với tình nguyện.

Sau đó, Sư về lại chùa ở kinh đô, không biết về sau Sư tịch ở đâu.

33- Truyện ngài Thích Bảo Nham trụ chùa Nhân Giác ở kinh đô:

Thích Bảo Nham, là người xứ U Châu, Sư nêu ý Kinh Thập Địa, thứ đến học Tỳ-đàm, cuối cùng nghiên cứu về luận Thành Thật. Nền đối với Tông Bộ, Sư trải qua nghiên tầm rất nhiều, cửa ngõ huyền văn suốt cùng nguồn cội. Bấy giờ, đang truyền bá dồi dào rộng rãi mà tánh Sư rất suy xét mọi việc, chẳng ưa thích nói bàn. Mọi người tha thiết mong cầu giải bày, tinh lý lại tuyên dương. Sư trụ chùa Nhân giác ở Kinh hạ, giữ Đạo tự vui, không thích sự giao thiệp nông hậu.

Đến niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư đưa Xá lợi đến chùa Hoàng Nghiệp ở Bồn Châu. Chùa đó vốn do Vua Hiếu Văn Đế (Thác Bạt Hoàn 471-500) thời Nguyên Ngụy xây dựng. Xưa đặt hiệu chùa là Quang Lâm, nương vào sườn núi, ở cạnh khe suối, diện thế cao thoáng. Phần nhiều khác lạ, mọi việc đều thanh tịnh trang nghiêm, nên khiến mọi người đi đường hẹp phải kính sợ. Do đó chúng đây lạm vết mong qua. Từ cuối niên hiệu Khai Hoàng (...601) đời Tùy, Xá-lợi được rước đến trước núi, thường nghiêng vẫy không hề ngừng nghỉ. Đến lúc an trí tháp xong, núi mới dứt hẳn sự rung chuyển. Lại đến đầu niên hiệu Nhân Thọ (601) đời

Tùy, từ trời tuôn đổ xuống ba mươi ba cây dao cạo, dùng rất bén nhọn, và hình tướng chế tác cũng rất khác biệt, nay chư tăng thường dùng để cạo gọt. Lại nữa, lúc mới tạo hộp đá, sáng ngời như gương nước, đường văn giống như mã não, sáng tựa lưu ly, trong ngoài chiếu suốt sắc tím rực sáng. Phía ngoài hộp hiện lên những đường vân như tôn tượng Bồ-tát, cho đến Chư tiên, cầm thú, sư tử, cây rừng lăm thứ tạp tướng chẳng phải một. Đến đêm mồng ba tháng tư, phát ra ánh sáng rực rỡ soi chiếu khắp đất trời, mọi người đều trông thấy.

Khi mọi việc xong xuôi, Sư về lại kinh đô, không biết về sau Sư thị tịch ở đâu.

34- Truyện ngài Thích Minh Ngự trụ chùa Vô Lậu ở kinh đô:

Thích Minh Ngự, là người ở xứ Doanh Châu. Lúc đầu, Sư học Kinh Niết-bàn, về sau lại học Luận Nhiếp Đại Thừa, suy tìm nguồn lý, nghiên cứu gồm cả mọi sự vướng mắc. Sau đó, Sư đến Nghiệp Hạ thừa hỏi những điều chưa từng nghe biết. Với mọi nghĩa ẩn cao sâu, Sư đều vạch bày xem đọc.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ tám (588) đời Tùy, Sư vào kinh đô, đến chỗ Sa-môn Đàm Diên, lại học tiếp Luận Nhiếp Đại Thừa. Ý lượng của Sư rộng thoáng, dáng dấp nho nhã, nếu có tức giận, cũng không biến đổi sắc mặt. Đại chúng kính phục sức nhẫn ấy của Sư. Sư trụ tại chùa Vô Lậu, lấy việc giảng tụng làm chánh nghiệp. Đến niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến chùa Sùng Phạm ở Tế Châu. Nền móng chùa đó mang thế núi hiểm nguy, có nhiều loại cây lạ, núi suối cuộn quanh, trúc cao phủ trời, thật là chỗ đất tốt đẹp. Định ngày sắp hạ tháp thì ở chùa đó có điềm lành của vua A-dục, phát ra ba luồng ánh sáng thần chiếu khắp trên thân tượng, vàng đá màu đỏ sáng rực đoạt nét tinh anh, trải qua thời gian khoảng bữa ăn thì dần dần dùng hết. Lại nghe có tiếng khánh kéo dài, trên đỉnh núi phía động chùa, có âm vang khen ngợi “Lành thay!” trong trẻo suốt thấu tâm người, nhưng tìm thì không trông thấy gì cả. Lại nữa, trên hộp Xá-lợi, ánh sáng phát ra cao ba thước, hình dáng như cây hoa. Vốn rước Xá-lợi phân thành hai viên, lưu xuất ra ngoài bình lưu ly lần lượt mà xoay chuyển và đều phát ra ánh sáng. Có mây màu vàng trắng từ phía Tây Nam trôi đến, âm thanh như mưa cùng đổ trôi chảy, tiếng âm nhạc, đến ngay trên tháp, dừng trụ không lay động. Lại thấy có hai cành hoa từ trong mây lưu xuất, hoặc có lúc lên lúc xuống. Có đàn chim lớn bay đến vờn quanh phía trên tháp. Lại ở trong mây hiện ra

đầu vị tiên số nhiều đến vô lượng. Ngay lúc đó, người ở thành Tân Châu thấy các vị Tiên từ phía đông giữa hư không bay đến, hướng về Ngụy Châu. Ngài ở ngay vận ấy vui mừng thấy các điềm lành đó, mới không thể hết. Dân chúng đều xả thí tài của chứa nhóm như núi, Sư đều dùng vào công việc tại xây dựng ngôi tháp. Có năm vị Sa-môn thấy được điềm kỳ đặc ấy, bèn xả giới làm đũa ở, cúng dường Tam Bảo, nhân đó khắc vào Minh Ký, nói rộng như trong Biệt truyện.

Đến lúc Hiến hậu qua đời, Vua Văn Đế xây dựng chùa Đại Thiên Định, thỉnh Sư đến trụ ở đó, về sau Sư thị tịch tại chùa ấy.

35- Truyện ngài Thích Đạo Sinh trụ chùa Đại Hưng Thiện ở kinh đô:

Thích Đạo Sinh, là người xứ Bồ Châu. Sa-môn Đại Thống Đàm Diên là thầy của Sư, con của Danh Phụ thuộc hệ vết tích Quyết Sư. Tuy nhã chuộng chưa ngang bằng, nhưng năng lực tư duy thấu đến phương xa. Nhân từ chân chánh, Sư thường đặt để nơi lòng, thanh sắc không hề dắm nhiễm. Sư thọ trì Giới hộ, thích vịnh văn ngôn. Luật Tứ phần rộng đượm nhuần Thanh giáo. Lúc giảng dạy nêu cao khí Pháp khó nghĩ. Sư trụ chùa Đại Hưng Thiện, với vợ nêu lạ, mắt không hề liếc nhìn, oai nghiêm an tường điềm đạm. Đại chúng rất kính sợ.

Niên hiệu Nhân Thọ thứ hai (602) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến Sở Châu. Ban đầu dừng nghỉ ở Công Quán, chiêu cảm một con nai hoang đi thẳng vào cửa tháp. Người canh giữ dẫn nó đến chỗ Xá-lợi, tự nhiên nói cúi đầu kính vái, thuần thiện an ổn. Sư bảo con nai rằng: “Người vì Xá-lợi, hãy bước lên bậc thềm. Còn như duyên khác thì tùy ý mà đi”. Nai nghe lời ấy bèn bước lên thềm cấp, ra vào trước màn trướng, qua lại không ngăn ngại. Sư bèn giảng trao quy giới cho nai, nai bèn cúi đầu nơi hương án tỏ vẻ như có nghe thọ. Nhân đó dùng lụa thêu buộc thắt nơi nó, nai liền liếm tay người. Đêm đến nằm bên cạnh kiệu, hoặc đi sang nơi phòng Sư, dừng ở vài đêm, tự nhiên nói lui ra, trở về đồng hoang. Đến ngày hạ tháp có hai con hạc trắng bay liệng phía trên tháp, lúc lấp đất xong mới bay đi. Sư trông thấy các điềm lành ấy, bèn cùng các hàng liêu thuộc, viết lại biểu văn đầy đủ để tấu trình. Và khắc bài minh về việc ấy dựng ở chỗ Tháp.

Sau khi mọi việc xong xuôi, Sư về lại kinh đô. Không biết về sau Sư tịch ở đâu.

36- Truyện ngài Thích Pháp Tánh trụ chùa Thắng Quang ở kinh đô:

Thích Pháp Tánh, là người xứ Duyện Châu. Thuở thiếu thời Sư thực hành Thiền học, siêng năng hành đạo, ít dục, thực hành hạnh đầu-đà, một mình Sư vân du nơi eo biển. Có lúc Sư lại vào trong thế tục để giúp hình hài rồi ẩn mình nơi rừng núi, lấy sự trầm lặng làm chánh.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bốn (594) đời Tùy, Vua Văn Đế (dương Khiêm) tuần du phương Đông, thừa hỏi ở các hang hóc, nhân đó, thỉnh Sư vào kinh đô trụ chùa Thắng Quang. Đến niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy Vua Văn Đế ban sắc thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến chùa Phổ Lạc ở Bồn Châu. Lúc đầu, làm hộp bên ngoài, có đợc một phiến đá xanh, gọt mài vừa xong, sắp khắc khảm, bỗng biến thành mã não, có năm màu xen lẫn, đường vân hiện rõ. Ở phía trong hộp loang lổ tạp sinh ngọc trắng, ngưng nhuận sáng sạch khắp cả trong ngoài hộp, sáng như kiếng nước chiếu soi không chướng ngại. Ngay lúc đặt vào hộp, ở trên nền tháp có đôi chim trắng liệng quanh, lượn vòng quanh tháp. Cành lá cây Nại ở phía Tây tháp đều biến thành màu vàng ròng. Đến lúc Vua Văn Đế băng (605), Vua Dương Đế (Dương Quảng) sắp đặt chùa Đại Thiên Định, thỉnh Sư đến trụ và cúng dường. Về sau, Sư thị tịch tại chùa đó, thọ hơn tám mươi tuổi.

37- Truyện ngài Thích Biện Tịch ở Kinh Đô đời Tùy:

Thích Biện Tịch, là người xứ Từ Châu. Thuở thiếu thời do nhờ năng lực tuệ học mà Sư nổi tiếng. Sư chìm nổi trong nhân thế, lấy việc đi giảng khắp nơi làm chánh nghiệp. Sau, Sư lại đến kinh đô nhà Bắc Tề, chuyên nghiên tâm Luận Đại Trí Độ và Luận A-tỳ-đàm tâm. Chưa hơn một năm mà đã thông hiểu đại khái.

Vào cuối niên hiệu Võ Bình (576) thời Bắc Tề, nước nhà sắp sụp đổ, đạo pháp bị diệt vong, theo hướng Nam, Sư đi về giang âm, lại học Tam luận, thần khí chăm chú soi xét nghĩa lý mới ấy. Đến đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, Sư về lại quê cũ. Ở đó, có một số bạn lành đã mất, theo hướng Tây Sư lại đến kinh đô, tìm lại luận xưa là di phong của ngài Long Thọ. Lại từ niên hiệu Quang Viễn, Nhân Thọ (601- 605) đời Tùy, có xây Tháp. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến chùa Lưu Câu ở Bồn Châu. Lúc mới đến, tại chỗ tháp Xá-lợi bỗng thấy có ánh sáng lạ chiếu soi ở đỉnh núi phía Bắc chùa suốt đến phía Nam núi, sáng rực như mặt trời lúc sớm mai. Lại đến trong núi Thạch Phật tìm chọn đá làm hộp, mài gọt tô điểm vừa xong,

thì trong khoảng thể văn bỗng phát ra văn lửa sáng hiện núi biển chim thú, vị tiên, v.v... các tướng khắp đầy trong đó. Tuy là đồ họa, nhưng mười mà chẳng tấu trình một.

Về sau, Sư lại tiếp nối hạnh nghiệp trước, giảng dạy khắp chốn kinh hoa, mọi thứ phước lợi có được, Sư đều sung cúng vào chùa Phủ. Không biết về sau Sư thị tịch ở đâu.

38- Truyện ngài Thích Tĩnh Ngưng trụ chùa Đại Hưng Thiện ở kinh đô:

Thích Tĩnh Ngưng, là người xứ Biện Châu, là môn nhân của Thiền sư Thiên. Thuở thiếu thời Sư đã được nghe học, bí sâu Tà Chánh. Kinh luật Thập Địa là chỗ Sư chuyên tìm cầu. Về sau, Sư học luận Nhiếp Đại Thừa, thấu cùng sâu mầu, nhưng Sư thường ưa thích Chỉ Quán, bí cửa nghĩ chọn, duyên đến thì giảng, tiếng vang như sấm, sự việc xong rồi trở lại tĩnh lặng, hình dáng như lão già ngu dốt. Mọi việc trong đời Sư chẳng hề nói, mọi người không hiểu cho Sư là hạng ngu kém. Cùng ở chung lâu dài mới biết Sư là người có Đạo. Lại vì hành vi của Sư chẳng theo một nghi thức nào, miệng không nói lời ca tụng hay chia buồn, ngồi im tĩnh lặng dường như không biết nói.

Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ sáu (586) đời Tùy, Sư theo Thiền sư Thiên vào Ung Châu trụ chùa Đại Hưng Thiện. Đến niên hiệu Nhân Thọ thứ hai (602) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến Kỳ Châu. Lúc mới đến, thường phát ra ánh sáng mầu trắng như mặt trăng sáng sạch, lần lượt soi chiếu khắp cùng. Và đến ngày hạ tháp, giữa hư không có đàn chim trắng bay liệng quanh trên nền tháp, đến lúc chôn lấp xong xuôi nó mới bay đi. Lại còn có các điềm lành khác, Sư giấu tất cả, chỉ nêu bày một vài điều để biết là điềm chung của bậc Đại Thánh. Ngoài ra đều giấu không có ghi chép. Khi về đến kinh đô, lại bị trách cứ, Sư dùng phương tiện được giải mở. Sau đó không bao lâu, Sư thị tịch.

39- Truyện ngài Thích Pháp Khải trụ chùa Dương Hóa ở kinh đô:

Thích Pháp Khải, là người xứ Tào Châu. Năm mười lăm tuổi, Sư xuất gia, nương theo Ngài Hiền Thống ở Tương Kinh làm đệ tử. Sư học Kinh Niết-bàn, hiểu thông Văn nghĩa. Sau khi thọ giới cụ túc, Sư bèn chuyên nghiên cứu Luật Tứ Phần. Bảy giờ, Luật sư Huy và Luật sư Vân là những bậc Tông tượng ở tại Tề đô, Sư tìm đến đó trải qua nhiều năm tháng thưa hỏi bảm thọ, và đều được trao cho áo nghĩa sâu kín không

sốt lại gì.

Đến lúc nhà Bắc Tề sụp đổ, chánh pháp bị diệt vong, Sư bèn đi về hướng Nam để lánh đến phía nam của Thọ Sơn thuộc Hoài Biếu. Đến lúc nhà Tùy mở thoáng Luật giáo, khoảng đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) mở rộng các Pháp môn, Sư về lại Tào Châu, có ý muốn trọn đời sống ở vùng sông núi, khi sắp đến bờ biển thì các hàng đạo tục cố thỉnh Sư ở lại không chịu để Sư đi về phía Đông. Tánh Sư rộng lảng bèn đến núi Tả Khâu, cách phía Bắc thành ba dặm, xây dựng một ngôi chùa hiệu là “Pháp Nguyên”, đất cao bằng phẳng, dưới đến tận thành ấp. Mọi người từ phương xa phát tâm đều đến thọ pháp. Chưa được an ổn mà lại đổi đời, được người xưa mến chuộng, lâu ở nơi cảnh trần nhàm chán, không ai chẳng lưu chuyển. Sư bèn vào Quan nội, xem xét phong hóa ở kinh đô, và Sư trụ chùa Dương Hoá mở mang giới luật.

Vào niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, Sư vâng sắc thỉnh xá-lợi đến Tào Châu. Vì nền tảng đầu tiên có nguyên do là muốn báo đáp xứ sở đó nên dâng biểu văn tấu trình xin xây tháp tại chùa Pháp Nguyên. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) không can ngăn mặc tình theo điều Sư cầu thỉnh. Lúc mới đến Tào Châu, kiệu đặt vào trong châu, thì hiện nhiều điềm lành rất tốt, đầy đủ như trong Biệt truyện. Chỉ vì học chưa trải qua, nên khó được biết khắp, vì vậy chỉ ghi chép sơ lược, tưởng chưa lắm phiền nhiễu, mỗi ngày riêng thấy khác lạ, nên kể lại đây đủ như sau:

“Vào giữa trưa ngày mười bốn tháng ba, thấy pho tượng Phật bán thân, diện mạo trắng như ngọc. Trên đỉnh Phật ở trước kiệu Xá-lợi hiện các tia sáng màu vàng đỏ. Đến tối ngày hai mươi chín trời tuôn rải cam lồ, mùi vị ngọt ngon hơn mật. Lại thấy ánh sáng màu đỏ soi chiếu khắp trên thành, phút chốc chiếu thẳng đến chỗ tháp. Đến ngày mồng năm tháng tư, Xá-lợi tuôn vọt lên màu trắng sáng đẹp. Đến giờ thân ngày đó, ngay trên bức màn ở mặt phía Bắc chợt thấy bóng sáng, trong đó có hơi mây trắng, bên trong lại mọc một cây, tướng trạng như cây ngô đồng xanh, phía dưới có sư tử màu xanh, ngòi xoắn mặt xoay về hướng Tây. Đến giờ mao ngày mồng sáu lại thấy có bóng sáng, thấy trong hơi mây có ba hoa sen, nơi hai chái nhà ở dưới hai cây có pho tượng Phật, lầu gác cây rừng nhiều lớp xuất hiện. Phía trên có pho tượng Bồ-tát đứng. Đến giờ thìn lại thấy ánh sáng màu vàng ròng, ẩn hiện lớn dần. Qua giờ ty, lại thấy lầu gác nhiều tầng, phía trên lầu có cây lá hình dạng như lá cây Bối-đa, bên cạnh có vị Thánh tăng đang đứng. Đến giờ ngọc lại hiện hình ảnh Song Thọ, phía dưới có bảy Đức Phật. Đến giờ

Thân, từ nơi song thọ lại thấy một pho tượng Phật, hai vị Bồ-tát có ba cành hoa đỡ dưới chân, lại thấy người, trời cầm hoa giữa hư không, có sư tử vàng v.v... Đến giờ Hội, phía sau trường thấy có hình ngàn Đức Phật, xá-lợi trong phòng thất phát ra ánh sáng màu vàng nhạt. Qua ngày mồng bảy tháng bốn, từ nơi song thọ, lại thấy một con chim sẻ màu vàng và các ảnh tượng như mây sáng, sư tử v.v... Đến giờ Thìn lại thấy chim cánh vàng, rồng bay, cây rừng, lọng báu v.v... Bên cạnh hóa hiện hai vị Bồ-tát và Sư tử vàng. Đến giờ tỵ, lại thấy cờ báu, rừng cây, phía dưới có Bồ-tát cư sĩ áo vàng, có sư tử màu trắng ngồi xỏm trên đá. Lại có các ảnh tượng hơi mây, rừng cây. Lâu gác, Bồ-tát v.v... Đến giờ ngọ, lại thấy hơi mây màu trắng, cờ báu, rừng cây, sư tử màu xanh, đến giờ Thân, lại thấy Song thọ tốt tươi, phút chốc biến thành cung điện lầu các, Đức Phật ngồi trên đài hoa, màu vàng nhạt. Đến giờ Hợi mây nổi từ hướng Tây Bắc, mưa thấm xuống ba tấc. Phía trên mây có sáu vị trời đồng một lúc hiện thân. Đến ngày mồng tám tháng tư, lúc sắp hạ thấp, từ lúc sáng Đến giờ mao, lại thấy các vị trời, lọng báu, bên cạnh cây có Bồ-tát và Sư tử màu vàng. Đến giờ thìn lại thấy hai lớp lọng lớn, các thứ vật báu trang nghiêm và sư tử ngồi xỏm trên đá. Phía trên màn trường lại thấy bóng sáng và hơi mây, trong hơi mây có ánh sáng màu vàng rờng chợt lớn chợt nhỏ, phía dưới có hoa sen lúc nở lúc úp, hoa trời lại tuôn rải như mưa, hoa lớn thì ở giữa hư không, bề mặt rộng hơn một thước, hoa nhỏ rơi xuống đất, tướng trạng như hoa đào. Đến giờ Ty, ở phía sau màn trường, thấy có ba vị trời, ba con sư tử và ao hoa sen v.v... Đến giờ ngọ, lúc sắp hạ, lại thấy nơi song thọ đều có các vị Bồ-tát đứng, Xá-lợi bỗng nhiên phân thành năm viên lưu chuyển ngời sáng, qua ngày mồng chín tháng tư, sau khi khỏa lấp bằng, trên bản ở phía sau màn, trong bóng sáng có nhiều lớp đá nổi các đường vân tự. Lại thấy cây lớn, có vị Sa-môn mặc áo xanh, đứng tay bưng lò hương. Lại cảm có mùi hương lạ, thơm ngát mũi người”. Sư ghi thuật lại đầy đủ để tấu trình. Vua Văn Đế rất vui mừng, ban lệnh vẽ lại đầy đủ các hình ảnh đó, lưu truyền khắp trong nước.

Từ đầu niên hiệu Nhân Thọ (601) đời Tùy, với công việc xây tháp trước sau có hơn trăm ngôi, nhưng cảm ứng tốt đẹp thì không ai cao hơn Sư. Về sau, ngài vẫn duy trì thường nghiệp, và thị tịch tại chùa Dương Hoá.

40- Truyện ngài Thích Trí Năng trụ chùa Chuyển Luân ở kinh đô:

Thích Trí Năng, họ Lý, người ở xứ Hà Nội thuộc Hoài Châu, ý

mong xa rời cảnh trần, buộc tâm nơi Luật giáo. Nhờ nghe mà nổi tiếng, đạo phong trùm khắp Hà Hữu.

Đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, Sư tu đạo tại Vị Âm, tùy vâng phụng mà giúp hạnh, và trụ tại chùa Chuyển Luân. Vào niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, có xây dựng tháp, Sư vâng sắc rước Xá-lợi đến chùa Thắng Phước ở Thanh Châu. Đặt nơi núi cao, chóp đỉnh đến tận trời xanh, cây gió giao kết, nhìn xuống xa cả ngàn dặm. Xưa gọi là Đạo tràng Nham Thế. Vào cuối thời Nguyên Ngụy mới đặt biển ngạch đó. Lúc đầu, ngày Sư đến thiết đặt nền móng, đục núi đào đất vào sâu chừng ba thước, có được một hộp đá xưa, dài chừng tám thước, sáu sáu thước, trong ngoài bằng phẳng trơn nhẵn, sức người chẳng thể chuyển vận, cái gọi là Chí cảm thâm thông, có cầu hẩn ứng. Đến lúc hạ Xá-lợi, bỗng phát ra ánh sáng rực rỡ vượt trội tràn khắp cả núi. Các hàng Đạo tục đều trông thấy, cho đến ẩn hiện lưu chuyển, tướng trạng biến đổi không thể nào nói được.

Sau đó, Sư về lại chùa Chuyển Luân, lại chuyên sùng định nghiệp, rồi nương gá chốn suối rừng, chẳng can dự vào việc chúng tăng, ẩn danh vĩnh viễn. Không biết về sau Sư thị tịch ở đâu.

41- Truyện ngài Thích Đàm Lương trụ chùa Chân Tịch ở kinh đô:

Thích Đàm Lương, họ Lật, người ở xứ Lộ Châu. Năm mười sáu tuổi, Sư xuất gia, chuyên tâm kinh điển. Lúc lớn lên thành tựu đức hạnh, Sư chuyên nghiên cứu luận Đại Trí Độ mà nổi tiếng, kiêm giảng các Bộ kinh nhỏ, dẫn dắt lần lượt các hàng thế tục ở đương thời, chóng phát khởi tâm quy tín. Sư rất được các bậc Hiền giả khen ngợi. Sư vào kinh đô, đi khắp nơi nghe giảng, trụ tại chùa Chân Tịch.

Vua Văn Đế (Dương Khiêm) đời Tùy, ban sắc thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến chùa Khai Tịch ở Hào Châu. Lúc sắp xây tháp, việc trước tiên là làm hộp đá, tại xứ đó chẳng phải là làng núi, nên tìm khắp nơi khó có được. ngài bảo: “Đợi tìm được đá, kỳ hạn khó thành. Chỉ nên phát tâm thù thắng thì duyên gì chẳng đến”. Bèn đốc lòng cầu thỉnh mong được ban cấp. Bỗng nhiên trong châu đó tìm được ba tảng đá, đá, thùng và nắp mỗi thứ ở mỗi huyện khác nhau, nhưng đem đến hợp lại thì rõ ràng là một vật. Mọi người đều vui mừng lấy làm lạ. Tấu trình đầy đủ về Đài Tĩnh.

Tánh Sư lại rất ưa thích các thứ Dị tích, nên đi khắp để xem. Trong thành Cốc Dương thuộc Tây Bộ ở Hào Châu có ngôi nhà của Lão Quân, nay là miếu thờ, trước sân có hơn ba mươi gốc Bách. Văn Bia do Tiết

Đạo Hành soạn. Về phía đông của Miếu hơn trăm bước là nhà mẹ của Lão quân, cũng có nhà miếu, kể đến phía Tây khoảng mười dặm có thành Khổ, mà xưa nay trong các truyện ghi rằng: “Lý Đam là người ở huyện Khổ” tức là đó.

Sau đó, Sư về lại chùa Chân Tịch, chí thành lễ sám, ngoài lúc ăn ngủ ra, Sư thường đối diện trước Phật. Đến đầu thời Tiền Đường, Sư mới thị tịch, thọ hơn tám mươi tuổi.

42- Truyện ngài Thích Đạo Tung ở kinh đô, đời Tùy:

Thích Đạo Tung, họ Lưu, người ở xứ Hà Giang thuộc Doanh Châu. Năm mười ba tuổi, Sư xuất gia. Đến nghe giảng ở Lạc hạ, thưa hỏi những bậc Minh Triết, suốt ngày nung nấu thanh tịnh, thân mặc áo đơn thô sơ, hoàn toàn không chú tâm. Gặp lúc Pháp sư Tuệ Viễn đang giảng các kinh luận, Sư trải qua thời gian đào luyện đượm nhuần, được thấu đạt sâu mầu. Theo ngài Tuệ Viễn đồng vào kinh đô, làm Học Sĩ Mộ Nghĩa, những vị đồng bạn đồng suy tôn Sư là người có đạo tâm.

Vào niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, có xây tháp, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến Tô Châu. Khi Xá-lợi sắp đến, nơi giếng nước bỗng phát ra tiếng rống suốt hai ngày mới dứt. Khi đào đất làm nền móng, có được một hộp gạch cổ, bên trong có hộp bạc, được một viên Xá-lợi đặt trong bình nước, xoay nhiều vòng quanh hiện bày các điềm lành, đồng tôn trí nơi đại tháp.

Sau đó, Sư về lại kinh đô, trụ chùa Tổng hóa, đượm nhuần Pháp vị của Kinh Niết-bàn, y cứ hành trì sám hối, thân giới tâm tuệ đều kính vâng, một bát ba y, ngoài ra không chứa để gì. Vâng hành trải qua thánh hạnh, dứt bặt mọi hiểm tật ở đời. Về sau, Sư thị tịch tại chùa ấy.

43- Truyện ngài Thích Trí Nghi trụ chùa Tĩnh Pháp ở kinh đô:

Thích Trí Nghi, họ Khương, vốn là con cháu của Vua nước Khương Cư. Khi đất nước loạn lạc tổ tiên Sư bèn đi về hướng Đông trở về nước Ngụy, được phong ở Tương Dương, đã trải qua hơn mười đời.

Năm bảy tuổi, khi mới bắt đầu học, Sư tự tìm văn nghiên cứu đến cùng, không thầy chỉ bảo mà tự ngộ. Sư rất mực kính trọng Phật Tông. Ban ngày tuy tạm theo tục duyên, nương theo bạn đồng học, nhưng ban đêm, Sư riêng tụng Kinh Pháp Hoa, cuối cùng Văn nghĩa thuần thực. Mới đầu cha mẹ Sư không hay biết. Đến năm mười ba tuổi, Sư lễ bái xin từ già, bèn được chấp nhận cho xuất gia. Sư lại thưa hỏi Đại Bộ, dụng tâm càng hiển rõ. Năm hai mươi bốn tuổi, Sư mới thọ giới cụ túc, mang

sách đến Lạc Tân, nương tựa tiếp thừa từ Pháp sư Tuệ Viễn và được trao truyền Kinh Thập Địa, Niết-bàn, Sư đều có khả năng giảng dạy. Sau đó, vào Quan nội, Sư trụ chùa Tịnh Ảnh.

Vào niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, xây dựng các ngôi tháp. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến chùa Sùng Kính ở Qua Châu. Lúc mới đến sắp đặt nền móng thì có con rồng vàng xuất hiện nơi hồ lớn bên cạnh châu, ngà sừng thân đuôi rõ ràng khắp cả vùng mọi người đều trông thấy, bèn dâng biểu tấu trình lên vua đầy đủ.

Sư trụ tại chùa nhiều năm thường tư duy định tuệ. nếu không phải việc lớn quan trọng thì Sư không bước chân ra khỏi cửa, nên mọi người đến tham hầu ít được thấy mặt Sư. Về sau, lúc tuổi tác càng cao, Sư Tinh tấn Đạo nghiệp, việc tăng trong chùa, Sư đều giao cho người khác. Đến đầu thời Tiền Đường, Sư thị tịch, thọ hơn bảy mươi tuổi.

44- Truyện ngài Thích Đạo Nhan trụ chùa Tịnh Ảnh ở kinh đô:

Thích Đạo Nhan, họ Lý, người ở xứ Định Châu. Ban đầu, Sư đến chỗ Pháp sư Tuệ Viễn, tập học các Kinh Thập Địa, Niết-bàn, lãnh hội được then chốt, rất phong phú đầy đủ. Sư thường giảng trao, người học nối nhau, Đạo khai giảng ở Đông Xuyên, mọi người nghe tỏ ngộ không ít. Sau, Sư đến kinh đô, trụ chùa Tịnh Ảnh. Đang lúc ngài Tuệ Viễn đang hưng thịnh ở đời, Sư được tiếp nối đạo nghiệp.

Đến Niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, xây tháp ở huyện Xích. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến Quế Châu. Lúc vừa đến châu, có đàn chim mấy ngàn con bay ngang xếp thành hàng đến đón rước trên kiệu từ chỗ vắng vào đến trong thành, giây lâu mới bay đi. Và đến lúc an đặt, cảm có mây năm mầu kéo dài đặt đến tuôn đổ nhóm họp trên nền. Ngoài ra đều mở thoáng trời trong xanh, sáng rực cả đất trời.

Sau đó, Sư trở lại kinh ấp, thường giữ theo nghiệp trước. Đến đời Đường, thời vận đổi mới, Vũ nội đang còn nghẽn tắc, nên mọi sự thiết lập trai hội, giảng Đạo v.v... lần lượt theo chùa Tịnh Ảnh. Đến niên hiệu Võ Đức thứ năm (622) thời Tiền Đường, vì bệnh nên Sư thị tịch, thọ hơn bảy mươi tuổi. Lúc sắp tịch Sư tắm rửa sạch sẽ, tay bưng lò hương, như thấy được điều gì, và bèn an nhiên thị tịch.

Khi Sư còn sống, thường mặc y phục thô sơ, chẳng vọng theo bạn bè, hành vi đều hợp thời, lánh mọi hiềm tật xấu xa, nói năng thì rõ ràng xét sâu, suy nghĩ thì trái với chúng sinh. Lại cứu giúp các loài súc cầm,

từ bị nuôi dưỡng trong tâm. Hơi giãm qua não hại thì Sư liền rơi lệ, chẳng sao nhãng đối với trẻ nhỏ, chẳng hành động quát rầy, giả sử như chúng có sự khinh thường, thì Sư xem đồng như gió thoảng. Sư thường nhìn các hàng pháp thuộc mà bảo rằng: “Không bao lâu thì đi rồi, sao lại phiền lụy đến mọi người?” Cho nên đối với pháp Vô thường, Sư rất được ý chỉ.

45- Truyện ngài Thích Tịnh Biện trụ chùa Tịnh Ảnh ở kinh đô:

Thích Tịnh Biện, họ Vi, người ở xứ Tề Châu. Thuở thiếu thời, Sư đã từng trải qua Nho môn, nghe giảng đầy đủ Khâu sách. Với Khổng, Mặc, Trang, Lão là chỗ Sư thường tìm học. Bỗng nhiên nhằm chán phù hoa hư giả, nên lảng vết xuất gia. Kinh Luật Sư đều tưởng thưởng, rộng thông sâu mầu. Sau, bị ràng buộc bởi Danh giáo, Sư lại lánh đời vào ở chốn núi rừng, thọ học thiền môn, dứt duyên tĩn lự.

Đến đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, mở thoảng giáo pháp, Sư bèn vào trụ kinh đô, nương tựa Ngài Viễn Công trụ chùa Tịnh Ảnh, càng tập học Định Cảnh. Sau, Sư lại theo Sa-môn Thiên, thọ học Luận Nhiếp Đại Thừa. Trải qua năm tháng nghiên cứu tìm cầu, bèn kết trọn ở Đạo Nghiệp ấy. Sư từng cùng ban thân cũ vì có sự trái ngược nhau, nên người bạn ấy có lảm lời chê trách. Sư chẳng hề phân trần, đến lúc hỏi, Sư đáp rằng: “Tôi nghĩ bạn ấy lúc đầu kết giao tình vui vẻ như dây đàn, đâu ngờ sau này xa nhau lại bày ra lỗi ấy!”. Người đương thời đều cho đó là sự cao thượng của Sư.

Sau đó, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) đời Tùy ban sắc thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến chùa Nhạc ở Hành Châu, chùa ấy vốn hiệu là “Đại Minh”, do Vua Tuyên Đế (Trần Húc 569-583) đời Trần vì Thiền sư Tư mà xây dựng. Sư vừa đến Giang Lăng, sóng gió chập chùng ngăn trở, suốt ba ngày phải dừng nghỉ nơi bến, sóng vẫn chưa yên tĩn. Lại bức bách qua lộ trình, lo sợ không phương kế bèn nhất tâm niệm Phật, vượt qua sóng gió mà thẳng tới, liền được gió ngưng, an ổn theo dòng men xuống. Khi đã vào sông Tương phân dòng rất khó khăn, Sư lại y theo trước mà xưng niệm, căng buồm nhanh chóng vượt qua. Chưa đầy nửa tháng, đã đến được Hành Châu. Khi đến chùa Nhạc, nương tựa sông nước không kham, men theo đường núi, dừng ở nơi bằng phẳng, có thể xây tháp. Ở phía Nam chùa có tảng đá nằm úp. Sư bèn bưng lò hương phát nguyện rằng: “Nếu có thể xây dựng tháp thì xin nguyện hiện điềm lành”. Bèn thấy trên đỉnh núi có mây trắng từ trên bủa xuống, rộng khoảng một thấ, dài bốn mươi dặm, đến chỗ tháp xoay quanh ba vòng,

lâu sau mới tự hết. Lại cảm có thứ hương lạ, hình dáng như tước trầm, thâu nhật được vài cân, hơi khói gấp bội khác thường các thứ hương ở đời. Các hàng đạo tục đều khen ngợi vui mừng. Nhân đó mà xây dựng hoàn thành.

Lúc đầu, tại chùa đó, có Thiền sư Tăng Khải là người tinh thông, trông coi tất cả chúng tăng, Sư có một viên Xá-lợi, rất muốn xây dựng một ngôi tháp lớn, tôn trí trong chùa trải qua mười năm mà chưa từng có tướng gì đặc biệt, đến nay. Ngài Tịnh Biện rước Xá-lợi đến, mới hiện khởi điềm ứng. Có các mâu vàng trắng, lớn nhỏ tan tụ bất định. Và ngay trong ngày đó, nơi tháp chùa Hiển Minh thuộc huyện Hành Sơn phát ra ánh sáng rực rỡ soi chiếu khắp cùng Thành Ấp, các hàng Đạo tục đều trông thấy. Các vị Cổ Lão tương truyền rằng: “Chùa ấy xây dựng đến nay đã hơn ba trăm năm, hễ có việc lành thì phát ra ánh sáng. Đến nay đã ba lần. Nếu chẳng phải Đế vương tạo ra phước nghiệp thì nghĩ đồng với chúng, việc chiêm cảm thấy, được thật có nguyên do”. Sư vui mừng với các điềm lành ấy, tập hợp mọi sự nghe thấy trước sau làm thành một bộ Truyện “Cảm Ứng” gồm mười quyển. Sau, hưng khởi Thiền định, lại thỉnh Sư đến trụ chùa (Hiển Minh) ấy.

Vào những năm cuối niên hiệu Đại Nghiệp đời Tùy, Sư thị tịch.

Thử Luận Bàn:

Phàm ngâm reo cổ xúy gió mây, luật điệu chung cho mưa nắng, vật lý gặp nhau có như tự trời, huống gì Thần Đạo huyền mưu, nghĩa trái thường ứng mà có thể suy nghĩ được ư? Nên những Bạc Thánh vì lợi ích, tạm bày các đường khéo léo để nhiếp sinh, vì đôn đốc hàng sơ tín hiện ánh sáng mà trao truyền vật. Tâm ở tại Ngộ tông, Đạo quy mô đã mở rộng, công lao dất dấn không rơi lạc. Còn như lẫn lộn nhỏ lớn chẳng phải có, đều là Bỉ ngã nơi thường nghi, ngang bằng sắc tâm với tánh không, dứt bật hình hữu trôi lăn, u thông mà mở mang hoằng hóa cội gốc, cực biến để thấu đạt nguồn thần. Chẳng được như thế thì khó mở mang, trước dùng oai quyền mà khởi động, sau dùng lời tiến để dẫn dắt. Xoay chuyển phát khởi niềm tin do nhờ khơi mầm dấn. Vào thời Tượng Mạt ghét ganh, giáo pháp dần sụp đổ lìa tan, thần lực lắng dòng, cảm thông dứt bật. Ở đời Thạch Lặc, Thạch Hổ, mà ngài Phật Đồ-trùng được nêu danh. Đến thời Tiêu Diển (Vua Võ Đế-thời Nam Lương), mà ngài Chí Công nêu đức, đầy đủ các ghi chép mà chưa dám rõ ràng. Khoảng đời mờ tối trần tục, tình nhiều phù lạt. Lúc bày linh tướng hoặc thêm trang sức, xét kiểm bốn cứ chóng rơi lạc dâm tà. Lời

đồn yêu dị ngùn ngụt như rừng, luận bàn đúng sai tợ ong vỡ tổ. Còn như Bồ-tát Quán Âm cứu giúp, tin mà có xác chứng. Đức Đại Thánh thông mộng hoa thật cùng một nửa. Cho nên gá sự gần gũi, mịt mờ khó khỏi, nói ý không liên can, ngoài ra là mong cầu tưởng tượng, thật giả ngấm duyên, cho nên có được luân hư chỉ. Nhân đó để mà nói thì rất có lý do. Viên Thông đi đến chùa Thánh, Chiêu Đạt giẫm tới cung tiên, rất đáng tin lời ấy mà khó thấu cùng sự việc ấy. Đầu mối của truyện trước, Bồng lai không trái Bỉ lệ. Xưa kia, hiển tông thông cảm, khai mở nền tảng của huyền hóa. Pháp vốn nội truyền đầy đủ bày ứng của Linh thông. Hoặc nhảy lên hư không mà hiện tướng kỳ đặc, hoặc phát ra ánh sáng mà hiện điềm lành, có tướng tốt lành ở đời Tấn mà lẫn lộn đến đây. Ngài Đàm Dực cảm tháp của Vua A-dục, ngài Đào Khản gặp được Bồ-tát Văn-thù, từ đó về sau phần hoa khó trình bày đầy đủ.

Vào niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy xa dựng nhưng ngôi tháp cao lớn, vọt hiện các điềm lành rất nhiều, ánh sáng thần soi chiếu khắp mọi vật, đến nỗi đượm nhuần cùng khắp các thứ bệnh tật dịch lệ. Hoa trời và Cam Lộ đồng tuôn rải, linh chi lẫn nai lành đều hiện bày. Vân du giữa hư không Tiên Thánh nhóm sương mù cùng đến, loài thủy tộc rùa cá xếp thành hàng ra nghe. Có hơn trăm ngôi tháp thấy đều đủ sự ngấm thông. Vua tôi cùng vui mừng, tặng tục đều hân hoan. Đức ấy vẻ vang sáng ngời không thể thêm. Nhưng vào năm ấy ở đời hoặc rơi lạc lưu ngôn, thói quen thế tục thường bàn về năm thứ phước, hân hoan được thọ khảo, thần thông, đạt mạng. Ba thứ sợ ấy là chỗ mở mang của Quân tử. Đến thời Vua Dương Đế (Dương Quảng) đời Tùy, đức nấn ở Cao Dương, mở ra khuôn phép, bắt mới đầu hình tượng ấy, trên đánh nhóm kết búi tóc, thân phát ra ánh sáng màu vàng tím. Ánh sáng linh thiêng soi chiếu khắp, phô bày năm màu hiếm lạ. Hoa tốt lành đầy khắp sân, mở tướng khác biệt của sáu thể. Trên dưới đồng an thái, không đức nào sánh bằng, bèn ban sắc chiếu Đồ họa đó để ban khắp các quận trong nước. Nghĩa đáng hưởng ân đây ấy, đội phước Vô Cương. Di quyết Tông Xã bền chắc như núi. Sau đó lại giặc giã đói kém nối nhau, khắp vũ nội đổ nát. Mất thời gian, tan ngôi báu, cuối cùng sự chết đến thân. Gồm rõ trọn xưa, năm vận đều đưa đẩy đổi dời. Gần thì dùng tình tìm cầu họa phước, mê lầm sự cậy phước ấy.

Lại như Thánh Mẫu lên cõi trời, công cao bèn khắp, Luân Vương xây tháp mà họa đến khi sắp qua đời. Làm sao rõ được việc ấy ư? Tin do Nghiệp mạng mỏng dày nên cảm Quả báo có tốt xấu, đâu thể dùng tai mắt của người thường mà xa trừ tính Đạo của ba đời ư? Như làm lời

của Bốc Thương giả nghị, là trước luận của Ban Bưu Lý Khương, chỉ biết lẫn lộn mà gọi đó là Mạng, chẳng biện rõ Mạng vì sao như vậy, đâu khác gì thấy lưới tròn nơi ruộng tráp mà không biết nó được thành từ khung dệt. Thấy trăm thứ lúa nơi kho lẫm mà chẳng biết nó có được là do từ cấy cày, gặt hái. Điều Nho giáo gọi là mạng thì Phật giáo gọi là Nghiệp. Mạng lệ buộc bởi nghiệp, nghiệp hệ thuộc từ tâm. Tâm phát sinh đó đã lẫm thứ sai biệt, nghiệp thành nên cũng không chuẩn định. Do đó, những bậc Khai sĩ thấu đạt về Mạng Nghiệp, biết quả báo đã thành thực nên không trốn tránh. Sư thường mê lẫm nhân quả, cho là nói suông mà không ứng, cho nên Mã Thiên than rằng bố thí là sai lẫm, chứa nhóm nghi ngờ mà chẳng thông, Phạm Bàng lẫm tuyên thiện ác, ngậm tình mà không sao mở giải. đó đều là những kẻ trông thấy dòng mà không tìm xét đến nguồn, chỉ thấy một mà không biết hai. Xem xét Hoàng Giáo của Thích Môn đâu lại đắm chìm trong lưới ấy ư? Tào nghiệp có muôn mối, cảm báo có muôn manh. Hoặc trước thiện sau ác nên có được trước tốt tươi mà sau xấu kém. Hoặc tốt xấu lẫn lộn cùng khởi, nên họa phước đồng một lúc cùng tới. Chì có Sắc là một, bình đẳng về hình về mặt khác nhau và khác nhau, chỉ có tâm là một, ngang bằng trăm hóa mà không chuẩn định. Nên Vô học hoặc Nghiệp dứt ngay đời nay, nghiệp xưa hết ở đời hiện tại, có buộc cảm do bởi đã đến thọ Báo, chưa dừng ở thời nay. Nên ngài Xá-lợi-phất là người thông minh ngộ lý mà thường bị tật não, ngài Mục-kiền-liên là người đạt sĩ oai hùng, song lúc qua đời vẫn bị buộc ràng nát thân. Đức Thích Tôn là bậc Chí Thánh chịu đựng lời Phỉ báng ở Kỳ Viên. Vương tử bị dèm pha giữa chúng thanh tịnh. Nho Tông bắt hết gạo thóc nơi Trần Nhưỡng, Nghiệp Thang gặp biến tại Trung Nguyên. Tuy tướng Huyền Sách hoặc trái mà duyên của Nghiệp Mạng không sai lẫm. Vậy đủ biết ngôi báu của các Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) Dương Đế (Dương Quảng 605-617) đời Tùy, phước xưa chung kết ở đời nay. Và đời nay tôn kính tạo dựng tháp tượng là hạnh nghiệp tạo khởi cho tương lai, giao vận cùng gieo. Không biết nhân nào đưa đến chiêu cảm, tùy gặp hai gương soi, thông mạng đâu ở tại đó? Lại như ngài Pháp Tế đến nơi cung sâu, nhờ Thần chú mà tiêu trừ tai ương, ngài Pháp An ở chùa Tuệ Nhật nhờ chẻ đá mà có dòng suối chảy. ngài Chuyển Minh vượt cự tảo, ngài Thông Đạt tắm nước đun sôi, Quỳnh Công báy lạy mà tà tượng sụp đổ. Đạo Anh thị tịch mà đất liền rung chuyển. Các đức hạnh ấy rất nhiều và đồ chúng các ngài cũng rất đông.

Đã nói là Thần hóa, thì hẳn không thể lấy nguyên do từ trước đến

nay mà phỏng theo, liền tiếp nối trong thiên chương, biết tăng luân khó tình cớ được gặp.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN
Quyển 26 C hết